

VN-Index tăng 2,4%

Ngày báo cáo

30/7/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích

research@vietcap.com.vn

+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index tăng 2,4%

VN-Index tăng 2,4% (+39,9 điểm) trong phiên thứ Năm để đóng cửa tại 1.744,7 điểm, tiếp tục duy trì trên mốc 1.700 điểm sau khi lấy lại mốc này vào ngày hôm qua. Nhóm cổ phiếu ngân hàng & chứng khoán là động lực chính thúc đẩy đà tăng trong ngày. Toàn sàn ghi nhận 296 mã tăng, 59 mã giảm và 33 mã đi ngang. Thanh khoản tăng đáng kể so với phiên trước, đạt 20,3 nghìn tỷ đồng.

- Các cổ phiếu Ngân hàng BID (+5,1%), VCB (+3,5%), CTG (+3,7%) và TCB (+3,2%) tăng mạnh, cùng với các mã khác.
- Các mã Chứng khoán TCX (+5,0%), VCK (+6,9%), VIX (+7,0%) và VPX (+5,2%) tăng mạnh.
- Nhóm cổ phiếu Công nghiệp GEE (+5,2%), GEX (+6,8%), GEL (+7,0%), VTP (+4,1%) và GMD (+3,5%) ghi nhận mức tăng mạnh.
- Các mã tăng đáng chú ý ở các ngành khác bao gồm công ty công nghệ FPT (+2,9%), các cổ phiếu tiêu dùng FRT (+7,0%), MWG (+5,0%) và VPL (+3,4%), doanh nghiệp dầu khí BSR (+3,6%) và nhà sản xuất cao su GVR (+3,0%).

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1.744,7	275,1	126,5
% Δ	2,4%	1,2%	0,3%
- % Δ 1 tuần	2,7%	-2,1%	0,8%
- % YTD	-2,2%	9,8%	4,8%
- % YOY	15,7%	5,2%	20,4%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	771,8	34,4	13,8
- TB 1 tháng (triệu)	676,5	40,5	15,7
- TB 1 năm (triệu)	1.087,2	73,0	28,3
- TB QTD	673,4	41,2	15,9
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-20,2%	-7,7%	-21,0%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	109,4	0,6	0,3
- Bán (triệu)	83,6	1,1	0,2
- GT ròng (triệu)	25,8	-0,5	0,1
Độ rộng TT			
Mã tăng	287	100	173
Mã giảm	63	47	99
Không đổi	74	155	578
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	315,2	17,6	46,9
P/E trượt 12T	12,4	10,1	14,3
LS cổ tức*	3,0%	4,5%	3,7%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	1.884,8	41.016	1.645,59
VN30F2M	1.885,0	1.448	3,30
VN30F1Q	1.887,9	809	0,42
VN30F2Q	1.879,9	90	0,31
VN100F1M	1.806,4	59	0,14
VN100F2M	1.803,9	15	0,04
VN100F1Q	1.791,0	23	0,00
VN100F2Q	1.788,9	9	0,02
USD/VND			
26.323			

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1.84%.

Điểm tin & Nhận định nhanh

- Fed giữ nguyên lãi suất nhưng phát tín hiệu về chính sách tiền tệ thắt chặt hơn
- ACV: Kết luận thanh tra Giai đoạn 1 Sân bay Long Thành (LTH): Rủi ro quản trị và nhà thầu, tuy nhiên kỳ vọng tác động ngắn hạn hạn chế đối với tiến độ xây dựng của ACV
- MCH: Ngày 10/8 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức 2.000 đồng/cổ phiếu (lợi suất cổ tức 1,4%)
- ACG: Doanh thu tiếp tục vượt kỳ vọng nhờ doanh số trong nước tích cực trong quý 2, lợi nhuận cốt lõi nhìn chung phù hợp với dự báo - Báo cáo KQKD
- BSR: LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo 6T 2026 tăng 13 lần YoY nhờ biên lợi nhuận vượt trội; cao hơn kỳ vọng - Báo cáo KQKD
- BVH: Đà tăng trưởng mạnh của phí bảo hiểm phi nhân thọ và môi trường lãi suất thuận lợi giúp thúc đẩy lợi nhuận vượt kỳ vọng - Báo cáo KQKD
- CTG: Quý 2 bứt phá nhờ NIM cải thiện mạnh, vượt kỳ vọng của chúng tôi - Báo cáo KQKD
- DHC: LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 tăng hơn 2 lần YoY nhờ giá giấy tích cực và biên lợi nhuận mở rộng; KQKD 6 tháng đầu năm vượt đáng kể so với kỳ vọng - Báo cáo KQKD & ĐHCĐ
- DPM: LNST quý 2 tăng 2,3 lần YoY; tuy nhiên, dự báo LNST năm 2026 đối mặt với rủi ro giảm - Báo cáo KQKD
- DXS: Hoạt động môi giới chậm lại và các khoản trích lập dự phòng khiến KQKD quý 2 thấp hơn kỳ vọng - Báo cáo KQKD
- GEX: LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 giảm so với cùng kỳ do chi phí lãi vay cao dù lợi nhuận của GEE/VGC tăng mạnh; không có thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026 - Báo cáo KQKD
- GMD: Lợi nhuận báo cáo vượt dự báo nhờ khoản lãi thoái vốn một lần; lợi nhuận cốt lõi tăng 19% QoQ và 17% YoY, nhìn chung phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo KQKD
- GVR: LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 tăng 73% YoY chủ yếu nhờ thu nhập thuần khác, vượt kỳ vọng của chúng tôi - Báo cáo KQKD
- HSG: LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 3 tăng mạnh nhờ biên lợi nhuận cải thiện đáng kể; tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo ngắn hạn nhưng triển vọng dài hạn không thay đổi - Báo cáo KQKD
- IDC: LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 tăng 37% YoY nhờ lượng bàn giao đất KCN cao hơn; doanh số cho thuê đất KCN phục hồi đúng kỳ vọng - Báo cáo KQKD
- MBB: Mức tăng trưởng tín dụng mạnh và sự phục hồi của NIM hỗ trợ lợi nhuận tăng cao hơn kỳ vọng - Báo cáo KQKD
- MWG: LNST quý 2 tăng gấp đôi YoY và vượt dự báo; LNST của DMX tăng mạnh 98% YoY, biên LNST của BHX đạt 3,4% - Báo cáo KQKD
- NLG: Doanh số bán BĐS và lợi nhuận quý 2 thấp hơn dự kiến; dự báo đang được xem xét - Báo cáo KQKD
- NVL: Lợi nhuận nửa đầu năm vượt dự báo cả năm 2026 nhờ khoản lãi thoái vốn trong quý 2 - Báo cáo KQKD
- PNJ: Ghi nhận lỗ ròng 283 tỷ đồng trong quý 2/2026, chủ yếu do trích lập dự phòng liên quan đến hoạt động mua lại - Báo cáo KQKD
- PVS: LNST 6T 2026 tăng 37% YoY; LNST cốt lõi nhìn chung phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo KQKD
- SIP: LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 tăng 18% YoY, nhìn chung phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo KQKD
- TLG: Tăng trưởng xuất khẩu tích cực hỗ trợ doanh thu 6 tháng đầu năm, KQKD nhìn chung phù hợp với kỳ vọng; giao dịch với Kokuyo có khả năng chậm hơn so với kế hoạch - Báo cáo KQKD
- VCB: Lợi nhuận cao hơn đáng kể so với kỳ vọng nhờ NIM cải thiện và thu nhập ngoài lãi tăng mạnh - Báo cáo KQKD
- VHC: Lợi nhuận quý 2 chịu áp lực do thu nhập tài chính ròng giảm và hoàn nhập dự phòng thu hẹp - Báo cáo KQKD

- VHM: Giao dịch bán lô lớn thúc đẩy KQKD 6T 2026, với LNST sau lợi ích CĐTS và doanh số bán BĐS hoàn thành lần lượt 88% và 52% dự báo cả năm - Báo cáo Gặp gỡ HĐQT & KQKD
- VJC: Giảm đoạn tại Trung Đông và chi phí nhiên liệu ở mức cao ảnh hưởng đến lợi nhuận cốt lõi quý 2; giao dịch SALB & ROFR hỗ trợ doanh thu báo cáo - Báo cáo KQKD

Báo cáo trong ngày

- VHC: Lợi thế cạnh tranh được củng cố trong bối cảnh khó khăn chung của ngành - Cập nhật

Quan điểm kỹ thuật

Về mặt kỹ thuật, nhịp hồi phục được hỗ trợ bởi lực mua tại vùng giá cao, qua đó củng cố khả năng VN-Index chuyển sang giai đoạn tăng ổn định hơn và xác nhận tín hiệu tạo đáy tại khu vực 1.650 điểm. Hỗ trợ gần hiện nằm tại vùng 1.700 điểm. Với quán tính hiện tại, chỉ số có thể tiếp cận vùng 1.750-1.770 điểm trong các phiên tới. Trường hợp xuất hiện điều chỉnh, vùng 1.700-1.720 điểm sẽ đóng vai trò thu hút lực cầu giá thấp và giữ nhịp tăng hiện tại.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin & Nhận định nhanh

Fed giữ nguyên lãi suất nhưng phát tín hiệu về chính sách tiền tệ thắt chặt hơn

* Ngày 29/7, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) giữ nguyên lãi suất điều hành ở mức 3,5-3,75%, phù hợp với kỳ vọng của thị trường. Tuy nhiên, 3 trong số 12 thành viên FOMC đã bỏ phiếu ủng hộ tăng lãi suất 25 điểm cơ bản ngay lập tức, so với việc không có thành viên nào ủng hộ tăng lãi suất tại cuộc họp trước đó, phản ánh mối lo ngại gia tăng về tình trạng lạm phát dai dẳng.

* Mặc dù kết quả bỏ phiếu mới nhất không nhất thiết hàm ý về một đợt tăng lãi suất tại cuộc họp tiếp theo, điều này cho thấy sự ủng hộ đối với chính sách tiền tệ thắt chặt hơn đang gia tăng trong nội bộ FOMC. Sau cuộc họp tháng 7 của FOMC, kỳ vọng của thị trường đã dịch chuyển, với công cụ CME FedWatch hiện chỉ ra xác suất hơn 57% cho một đợt tăng lãi suất 25 điểm cơ bản vào tháng 9. Kịch bản Fed tăng lãi suất có thể gia tăng áp lực lên đồng VND. Tuy nhiên, việc giá vàng trong nước giảm gần đây cùng dòng vốn FDI tiếp tục duy trì tích cực sẽ góp phần hỗ trợ tỷ giá.

ACV: Kết luận thanh tra Giai đoạn 1 Sân bay Long Thành (LTH): Rủi ro quản trị và nhà thầu, tuy nhiên kỳ vọng tác động ngắn hạn hạn chế đối với tiến độ xây dựng của ACV

Thanh tra Chính phủ đã phát hiện nhiều vi phạm về quy trình, hợp đồng và quản lý xây dựng tại Giai đoạn 1 của dự án LTH, bao gồm Dự án thành phần 2 do VATM làm chủ đầu tư và Dự án thành phần 3 do ACV làm chủ đầu tư. Đối với ACV, hoạt động thanh tra tập trung chủ yếu vào Gói thầu 5.6 thi công cọc nhà ga hành khách và Gói thầu 5.10 thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình nhà ga hành khách.

* **Thầu phụ không qua phê duyệt là vi phạm nghiêm trọng nhất được phát hiện.** Tại Gói thầu 5.10, 7 nhà thầu chính đã chuyển nhượng khối lượng công việc trị giá khoảng 1,6 nghìn tỷ đồng cho các nhà thầu chưa được ACV chấp thuận làm nhà thầu phụ. Khi đánh giá ở cấp độ liên danh Vietur, 9 trong số 10 thành viên của liên danh đã ký kết các hợp đồng chuyển nhượng liên quan đến khoảng khối lượng công việc có tổng trị giá 1,7 nghìn tỷ đồng vi phạm quy định Luật đấu thầu. Các vi phạm tương tự cũng được phát hiện tại Gói thầu 5.6 với giá trị công việc liên quan là 87 tỷ đồng, và tại Gói thầu XD02 của VATM.

*** Một vấn đề tài chính trọng tâm liên quan đến 235,7 triệu USD chi phí thiết bị thuộc Gói thầu 5.10.** Liên danh Vietur đã nộp hồ sơ dự thầu phần này bằng ngoại tệ, và hợp đồng sau đó cũng quy định thanh toán bằng USD, điều mà Thanh tra Chính phủ cho rằng là không phù hợp với các quy định về đấu thầu. Tính đến ngày 31/3/2025, ACV chưa thực hiện nghiệm thu hoặc thanh toán các chi phí thiết bị này. ACV được yêu cầu xác định tỷ giá quy đổi phù hợp với quy định và rà soát toàn bộ các khoản thanh toán thiết bị bằng ngoại tệ còn lại để ngăn ngừa rủi ro thất thoát vốn nhà nước.

* Các vi phạm khác bao gồm những hạn chế trong công tác lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu; thay đổi xuất xứ, thương hiệu hoặc nhà sản xuất của một số vật liệu, thiết bị nhưng chưa thực hiện điều chỉnh giá tương ứng; chưa hoàn tất đầy đủ các thủ tục kiểm định và bảo hiểm bắt buộc; chậm trễ tiến độ tại một số hạng mục thuộc Gói thầu 5.10; và có sự chênh lệch đáng kể giữa khối lượng trong hợp đồng với khối lượng được tính toán lại từ bản vẽ thi công đã được phê duyệt. Thanh tra Chính phủ cũng phát hiện 8 trong số 10 thành viên thuộc liên danh Vietur đã sử dụng 936 tỷ đồng tiền tạm ứng để gửi tiết kiệm có kỳ hạn, thu về 10,7 tỷ đồng tiền lãi, không phù hợp với mục đích tạm ứng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

*** Thanh tra Chính phủ đã chuyển thông tin sang Bộ Công an để tiếp tục điều tra, xử lý.** Nội dung chuyển giao bao gồm hành vi chuyển nhượng thầu bị cấm của một số nhà thầu, các vi phạm của ACV liên quan đến đấu thầu và đồng tiền thanh toán, cùng các vi phạm tiềm ẩn về mua sắm hoặc các vi phạm khác tại những gói thầu được thanh tra có thể liên quan đến vụ án hình sự đang điều tra. Kết luận thanh tra quy trách nhiệm, tùy theo nhiệm vụ được phân công, cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc ACV, Ban Quản lý Dự án LTH, các phòng ban liên quan, các đơn vị tư vấn và các nhà thầu. **Tuy nhiên, văn bản chưa xác định trách nhiệm hình sự đối với cá nhân cụ thể nào hoặc định lượng tổng mức thiệt hại tài chính liên quan đến ACV.**

*** ACV được yêu cầu thực hiện các biện pháp khắc phục,** bao gồm rà soát lại các thỏa thuận thầu phụ và năng lực nhà thầu; tính toán lại khối lượng, chi phí vận chuyển và giá hợp đồng; điều chỉnh hoặc thu hồi các khoản thanh toán trường hợp cần thiết; rà soát tác động đến an toàn kết cấu của phương án nâng mái khu vực trung tâm đã điều chỉnh; thẩm tra xuất xứ và chất lượng thiết bị phòng cháy chữa cháy; và xác định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan. ACV cũng phải theo dõi chặt chẽ tiến độ xây dựng và điều chuyển khối lượng công việc nếu nhà thầu không đáp ứng tiến độ đã cam kết.

*** Quan điểm của chúng tôi:**

- Chúng tôi đánh giá các kết luận thanh tra có tác động từ trung tính đến tiêu cực nhẹ đối với ACV. Các vi phạm mang tính diện rộng và nghiêm trọng, đặc biệt là quy mô của các hành vi chuyển nhượng thầu bị cấm và việc chuyển một số vụ việc sang Bộ Công an. Tuy nhiên, văn bản không nêu tên bất kỳ lãnh đạo nào mới của ACV bị khởi tố. Các lãnh đạo chủ chốt của ACV liên quan đến vụ án hình sự hiện tại đã bị khởi tố trước đó và vẫn đang trong quá trình điều tra.

- Không có thiệt hại tài chính đáng kể, hình phạt hay nghĩa vụ bồi thường nào đối với ACV được công bố. Phần lớn các biện pháp khắc phục liên quan đến việc tính toán lại giá trị hợp đồng, cắt giảm hoặc thu hồi các khoản thanh toán không phù hợp và ngăn ngừa thiệt hại trong tương lai, điều này có thể giúp bảo vệ một phần hiệu quả kinh tế của dự án. Chi phí thiết bị tính bằng USD vẫn là rủi ro tài chính trực tiếp đáng chú ý nhất, mặc dù hầu hết chưa được thanh toán tính đến thời điểm chốt số liệu thanh tra, tạo điều kiện cho ACV điều chỉnh cơ chế thanh toán và giảm thiểu tác động tỷ giá tiềm ẩn.

- Các rủi ro ngắn hạn chủ yếu bao gồm việc kiểm soát thanh toán chặt chẽ hơn, yêu cầu rà soát bổ sung về nhà thầu và hồ sơ, và khả năng chậm trễ trong thi công. Tuy nhiên, kết luận không yêu cầu đình chỉ thi công. Thay vào đó, kết luận yêu cầu ACV theo dõi chặt chẽ tiến độ, giải quyết các vấn đề kỹ thuật và điều chuyển khối lượng công việc trong trường hợp nhà thầu không đáp ứng cam kết. Do đó, hiện tại chúng tôi cho rằng chưa có đủ cơ sở chỉ từ kết luận thanh tra này để điều chỉnh các dự báo lợi nhuận hoặc giả định vận hành đối với dự án LTH.

MCH: Ngày 10/8 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức 2.000 đồng/cổ phiếu (lợi suất cổ tức 1,4%)

- Đây là đợt chi trả cổ tức bằng tiền mặt đầu tiên cho năm tài chính 2026; theo dự báo của chúng tôi, tổng mức cổ tức sẽ là 6.000 đồng/cổ phiếu.

ACG: Doanh thu tiếp tục vượt kỳ vọng nhờ doanh số trong nước tích cực trong quý 2, lợi nhuận cốt lõi nhìn chung phù hợp với dự báo - Báo cáo KQKD

CTCP Gỗ An Cường (ACG) đã công bố KQKD quý 2/2026 với các chi tiết như sau:

* Doanh thu thuần: 1.239 tỷ đồng (+12% QoQ, +29% YoY).

* LNST sau lợi ích CĐTS: 132 tỷ đồng (+18% QoQ, -4% YoY).

* LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi: 134 tỷ đồng (+23% QoQ, +24% YoY).

KQKD 6T 2026:

* Doanh thu thuần: 2.349 tỷ đồng (+33% YoY; hoàn thành 50% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* LNST sau lợi ích CĐTS: 244 tỷ đồng (+10% YoY; hoàn thành 38% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi: 244 tỷ đồng (+28% YoY; hoàn thành 38% dự báo năm 2026 của chúng tôi). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

BSR: LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo 6T 2026 tăng 13 lần YoY nhờ biên lợi nhuận vượt trội; cao hơn kỳ vọng - Báo cáo KQKD

* **KQKD 6T 2026 cao hơn đáng kể so với kỳ vọng của chúng tôi.** Doanh thu và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo 6T 2026 lần lượt hoàn thành 66% và 96% dự báo năm 2026 của chúng tôi. Do đó, chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng đáng kể dự báo lợi nhuận hiện tại của chúng tôi (dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết), do biên lợi nhuận cao hơn nhiều so với giả định của chúng tôi, trong khi sản lượng bán cũng cao hơn nhẹ so với kỳ vọng.

* **Trong 6T 2026, BSR đã ghi nhận doanh thu đạt 104,6 nghìn tỷ đồng (+52% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 15,7 nghìn tỷ đồng (tăng 12,6 lần YoY).** Tăng trưởng lợi nhuận chủ yếu đến từ sản lượng bán cao hơn và crack spread giữa sản phẩm lọc dầu và dầu thô đầu vào tăng mạnh. Sản lượng sản xuất 6T 2026 đạt 4,05 triệu tấn (+5% YoY), hoàn thành 51% dự báo năm 2026 của chúng tôi và cao hơn nhẹ so với kỳ vọng. Biên lợi nhuận gộp 6T tăng 15,3 điểm % YoY, qua đó phản ánh chênh lệch giá sản phẩm ở mức cao. Crack spread Platts Singapore trung bình trong 6T 2026 tăng 2,2 lần YoY đối với xăng, 3,6 lần YoY đối với nhiên liệu bay Jet A1 và 3,2 lần YoY đối với dầu diesel, trong khi giá dầu Brent trung bình tăng 24% YoY.

* **Trong quý 2/2026, BSR ghi nhận doanh thu đạt 58,7 nghìn tỷ đồng (+60% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 7,5 nghìn tỷ đồng (tăng 8,8 lần YoY).** Đây tiếp tục là một quý có KQKD tích cực, nhờ crack spread tăng mạnh YoY, bất chấp giá dầu thô giảm kể từ đầu tháng 5/2026. Sản lượng bán quý 2/2026 tăng 1% YoY. Trong quý 2/2026, crack spread xăng tại Singapore đạt trung bình 26,6 USD/thùng (tăng 2,5 lần YoY), trong khi crack spread dầu diesel đạt trung bình 57,1 USD/thùng (tăng 3,7 lần YoY). Mức chênh lệch giá cao này lần đầu tiên tác động từ việc giá dầu Brent giảm mạnh xuống còn 72 USD/thùng vào ngày 30/06/2026, thấp hơn 38% so với mức giá ghi nhận vào ngày 29/04/2026. Chúng tôi cũng lưu ý rằng vào cuối quý 2/2026, BSR chỉ trích lập khoảng 315 tỷ đồng dự phòng giảm giá hàng tồn kho (tăng 184 tỷ đồng QoQ và tăng 192 tỷ đồng so với đầu năm). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

BVH: Đà tăng trưởng mạnh của phí bảo hiểm phi nhân thọ và môi trường lãi suất thuận lợi giúp thúc đẩy lợi nhuận vượt kỳ vọng - Báo cáo KQKD

Tập đoàn Bảo Việt (BVH) đã công bố KQKD hợp nhất 6T 2026 với tổng phí bảo hiểm gốc đạt 22,7 nghìn tỷ đồng (+3,0% YoY) và LNTT đạt 2,3 nghìn tỷ đồng (+34,5% YoY), cùng hoàn thành 48% dự báo năm 2026 tương ứng của chúng tôi. Kết quả này tương ứng với LNTT quý 2/2026 đạt 1.283 tỷ đồng (+27,5% QoQ; +50,1% YoY). Nhìn chung, lợi nhuận của công ty vượt kỳ vọng của chúng tôi, chủ yếu nhờ thu nhập tài chính tăng trưởng tốt và khoản hoàn nhập dự phòng cam kết đầu tư.

* Bảo hiểm phi nhân thọ tiếp tục là động lực tăng trưởng chính. Trong 6T 2026, phí bảo hiểm gốc của mảng nhân thọ và phi nhân thọ lần lượt đạt 16,1 nghìn tỷ đồng (-3,3% YoY) và 6,3 nghìn tỷ đồng (+18,2% YoY). Tương tự trong quý 2/2026, phí bảo hiểm nhân thọ giảm 2,5% YoY, trong khi phí bảo hiểm phi nhân thọ tăng 17,7% YoY. Theo trao đổi của chúng tôi với công ty, kết quả kém tích cực của mảng nhân thọ tiếp tục phản ánh sự phục hồi chậm của toàn ngành sau khủng hoảng bancassurance. Bên cạnh đó, tổng phí bảo hiểm nhân thọ toàn ngành cũng suy giảm trong môi trường lãi suất cao. Chúng tôi dự kiến các yếu tố bất lợi này sẽ tiếp tục kéo dài trong nửa cuối năm 2026.

* Tổng chi phí bồi thường và dự phòng nghiệp vụ 6T 2026 giảm 2,6% YoY xuống còn 16,8 nghìn tỷ đồng, chủ yếu do chi phí dự phòng toán học giảm xuống 7,3 nghìn tỷ đồng (-10,9% YoY) và khoản hoàn nhập dự phòng cam kết đầu tư tăng mạnh lên 2,4 nghìn tỷ đồng (+295% YoY). Chúng tôi cho rằng diễn biến này tiếp tục phản ánh tác động tích cực của lợi suất trái phiếu Chính phủ đang ở nền cao đối với mức lãi suất chiết khấu kỹ thuật của công ty, cũng như nghĩa vụ cam kết lãi suất với khách hàng của BVH đối với các sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư. Tuy nhiên, chi phí chi trả quyền lợi bảo hiểm vẫn ở mức cao. Theo chúng tôi, nguyên nhân một phần có thể đến từ việc môi trường lãi suất cao khiến khách hàng giảm động lực đóng phí bảo hiểm hằng năm, đồng thời số lượng hợp đồng bị chấm dứt gia tăng. Công ty cũng cho biết, đối với các hợp đồng đã hoàn tất nghĩa vụ đóng phí hoặc có thời hạn trên 10 năm và giá trị hoàn lại tích lũy đã đạt điểm hòa vốn, khách hàng thường lựa chọn rút tiền thay vì tiếp tục duy trì hợp đồng bảo hiểm.

* Thu nhập tài chính ròng trong 6T 2026 tăng 17,0% YoY lên mức 6,2 nghìn tỷ đồng; riêng quý 2/2026 đạt 3,2 nghìn tỷ đồng (+18,5% YoY). Kết quả này được hỗ trợ bởi tổng thu nhập tài chính tăng 26,5% YoY, đạt 8,4 nghìn tỷ đồng. Tuy nhiên, tác động tích cực trên bị bù trừ một phần bởi chi phí tài chính tăng mạnh 63,4% YoY, lên 2,2 nghìn tỷ đồng, do BVH đã gia tăng đáng kể quy mô vay qua các giao dịch repo và vay bằng trái phiếu (như chúng tôi đã lưu ý trong quý 1/2026). Thu nhập tài chính tăng trưởng mạnh phản ánh môi trường lãi suất thuận lợi trong 6T 2026, cùng với việc BVH tiếp tục mở rộng quy mô danh mục đầu tư. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

CTG: Quý 2 bứt phá nhờ NIM cải thiện mạnh, vượt kỳ vọng của chúng tôi - Báo cáo KQKD

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (CTG) đã công bố KQKD nửa đầu năm 2026 (6T 2026) với tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 51,5 nghìn tỷ đồng (+24,5% YoY) và LNTT đạt 25,9 nghìn tỷ đồng (+36,7% YoY), lần lượt hoàn thành 51% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi. LNTT quý 2/2026 tăng mạnh lên 14,7 nghìn tỷ đồng (+32,2% QoQ; +21,8% YoY). KQKD của ngân hàng cao hơn kỳ vọng của chúng tôi, chủ yếu nhờ NIM tích cực hơn dự kiến, trong khi tăng trưởng tín dụng tiếp tục ổn định và chất lượng tài sản duy trì vững chắc. Chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng đối với dự báo của chúng tôi, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết. Nhìn chung, chúng tôi kỳ vọng cổ phiếu CTG sẽ phản ứng tích cực với KQKD khả quan trong 6T.

* Tăng trưởng tín dụng 6T 2026 đạt 5,0%, thấp hơn mức tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống là 8,5% nhưng phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi.

* Tiền gửi khách hàng trong 6T 2026 tăng 5,4%, cao hơn tăng trưởng tín dụng. Tỷ lệ CASA trong quý 2/2026 đạt 23,5% (-1,4 điểm % QoQ; -1,4 điểm % YoY).

* Thu nhập lãi thuần (NII) 6T 2026 của CTG tăng 28,1% YoY, nhờ NIM cải thiện mạnh và tăng trưởng tín dụng ở mức ổn định. NIM 6T 2026 đạt 2,86% (+31 điểm cơ bản YoY), cao hơn dự báo cả năm của chúng tôi là 2,70%.

* Xét theo quý, NIM tiếp tục cải thiện lên mức 2,88% trong quý 2/2026 (+10 điểm cơ bản QoQ; +35 điểm cơ bản YoY), nhờ lợi suất tài sản sinh lãi tăng (+54 điểm cơ bản QoQ; +95 điểm cơ bản YoY), mặc dù tác động này bị bù trừ một phần bởi sự gia tăng của chi phí vốn (+47 điểm cơ bản QoQ; +63 điểm cơ bản YoY).

* Chất lượng tài sản nhìn chung duy trì ổn định trong quý 2/2026, với tỷ lệ nợ xấu đạt 1,20% (+18 điểm cơ bản QoQ; -11 điểm cơ bản YoY), so với dự báo cuối năm 2026 của chúng tôi là 1,15%. Tỷ lệ nợ nhóm 2 cải thiện còn 0,93% trong quý 2/2026 (-13 điểm cơ bản QoQ; -3 điểm cơ bản YoY). CTG đã xử lý rủi ro 14,2 nghìn tỷ đồng nợ xấu trong 6T 2026, tương đương tỷ lệ quy năm trên tổng dư nợ cho vay là 1,39%. Ngoài ra, tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) trong quý 2/2026 đã giảm xuống còn 134%, so với 167% trong quý trước. Theo quan sát của chúng tôi, chất lượng tài sản của CTG tiếp tục thuộc nhóm tốt nhất ngành, và chỉ đứng sau VCB.

* Chi phí tín dụng quy năm trong 6T 2026 đạt 1,28%, so với 1,23% trong 6T 2025. Chi phí dự phòng 6T 2026 đạt 13,0 nghìn tỷ đồng (+17,3% YoY), hoàn thành 67% dự báo cả năm của chúng tôi. Để so sánh, chi phí dự phòng 6T 2025 chiếm 64% tổng chi phí dự phòng cả năm 2025.

* Thu nhập ngoài lãi (NOII) 6T 2026 đạt 11,4 nghìn tỷ đồng (+13,1% YoY), hoàn thành 52% dự báo cả năm của chúng tôi. Ngân hàng ghi nhận thu nhập phí thuần tăng mạnh 35,2% YoY và thu nhập khác (bao gồm thu nhập từ thu hồi nợ xấu) tăng tương đối tốt 10,0% YoY. Trong khi đó, lãi từ kinh doanh ngoại hối đi ngang YoY.

* Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) trong 6T 2026 cải thiện 3,0 điểm % YoY, xuống còn 24,5% (thấp hơn dự báo cả năm của chúng tôi là 30,2%), do TOI tăng 24,5% YoY (cao hơn mức tăng 11,0% YoY của chi phí HĐKD). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

DHC: LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 tăng hơn 2 lần YoY nhờ giá giấy tích cực và biên lợi nhuận mở rộng; KQKD 6 tháng đầu năm vượt đáng kể so với kỳ vọng - Báo cáo KQKD & ĐHCĐ

* CTCP Đông Hải Bến Tre (DHC) công bố KQKD quý 2/2026 tích cực với doanh thu đạt 1,0 nghìn tỷ đồng (+19% YoY; +8% QoQ), trong khi LNST sau lợi ích CĐTS tăng mạnh lên 178 tỷ đồng (+114% YoY; +29% QoQ). Theo đó, doanh thu 6T 2026 đạt 2,0 nghìn tỷ đồng (+18% YoY; hoàn thành 54% dự báo năm 2026 của chúng tôi) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 315 tỷ đồng (+99% YoY; hoàn thành 78% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

- Doanh thu giấy bao bì đạt 789 tỷ đồng trong quý 2/2026 (+16% YoY; +4% QoQ), chủ yếu nhờ giá bán bình quân tăng lên 10.442 đồng/kg (+16% YoY; +4% QoQ). Sản lượng bán nhìn chung đi ngang so với cùng kỳ ở mức 75,6 nghìn tấn khi các nhà máy giấy của DHC đã vận hành ở mức công suất tối đa.

- Theo ban lãnh đạo, giá giấy trên thị trường trong nước duy trì ở mức cao, khoảng 10.500–10.700 đồng/kg, và chưa có dấu hiệu rõ ràng về khả năng điều chỉnh giảm trong ngắn hạn. Giá OCC hiện ở mức khoảng 160–165 USD/tấn đối với nguồn cung châu Âu, 175–177 USD/tấn đối với nguồn cung Nhật Bản và 180 USD/tấn đối với nguồn cung Mỹ, tăng khoảng 5–10 USD/tấn từ đầu năm.

- Doanh thu bao bì carton tăng lên 257 tỷ đồng (+27% YoY; +22% QoQ), nhờ sản lượng bán đạt 28,7 triệu sản phẩm (+16% YoY) và giá bán bình quân tăng lên 8.949 đồng/sản phẩm (+10% YoY).

* Biên lợi nhuận gộp quý 2 mở rộng mạnh lên 25,2% (+10,0 điểm % YoY; +2,2 điểm % QoQ), qua đó đưa biên lợi nhuận gộp 6 tháng đầu năm 2026 lên 24,2% (+9,6 điểm % YoY), cao hơn đáng kể so với dự báo năm 2026 của chúng tôi là 16,6%. Biên lợi nhuận cải thiện chủ yếu phản ánh giá bán giấy tăng đáng kể, chi phí OCC đầu vào ở mức kiểm soát được và hiệu quả vận hành tốt hơn khi công suất hoạt động chung duy trì ở mức cao.

* Chi phí SG&A/doanh thu cải thiện về 4,5% trong quý 2/2026 (-0,2 điểm % YoY; -1,9 điểm % QoQ). Chi phí bán hàng tăng 15% YoY, trong khi chi phí G&A tăng 17% YoY; tuy nhiên, cả hai đều tăng chậm hơn nhiều so với lợi nhuận gộp - vốn tăng gần 2 lần lên 264 tỷ đồng (+97% YoY; +19% QoQ). Do đó, lợi nhuận từ HĐKD tăng mạnh lên 217 tỷ đồng (+133% YoY; +34% QoQ), với biên lợi nhuận từ HĐKD mở rộng lên 20,7% (+10,2 điểm % YoY; +4,0 điểm % QoQ).

* Thu nhập tài chính tăng lên 21 tỷ đồng (+49% YoY; nhìn chung đi ngang so với quý trước), chủ yếu nhờ thu nhập lãi trái phiếu và thu nhập lãi từ tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại tăng. Chi phí tài chính tăng lên 18 tỷ đồng (+57% YoY; +47% QoQ), do chi phí lãi vay tăng 95% YoY trong bối cảnh dư nợ vay ngắn hạn và chi phí vay tăng. Tuy nhiên, hiệu quả HĐKD cải thiện đã bù đắp hơn mức tăng của chi phí tài chính.* Trong 6T 2026, thuế thu nhập doanh nghiệp của DHC tăng lên 19,5% so với 14,0% trong 6T 2025. Nguyên nhân là nhà máy giấy Giao Long giai đoạn 2 đã hết thời hạn ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm giai đoạn 2022-2025.

* Dự án GL3: Theo ban lãnh đạo, hoạt động xây dựng vẫn đúng tiến độ, với kế hoạch chạy thử trong tháng 7/2027 và vận hành thương mại từ tháng 9/2027, nhìn chung phù hợp với dự báo của chúng tôi. Công suất thiết kế 390 nghìn tấn/năm của nhà máy dự kiến năng tổng công suất giấy của DHC thêm khoảng 128%. Cơ cấu sản phẩm mục tiêu gồm 70% testliner và 30% kraftliner có biên lợi nhuận cao hơn.

* Mở rộng nhà máy Bao Bì Bến Tre: Nhà máy này đang trong quá trình hoàn tất thủ tục đất tại Cụm công nghiệp Long Phước (Vĩnh Long), với kế hoạch vốn đầu tư 120 tỷ đồng.

* Quan điểm của chúng tôi: KQKD 6T 2026 cao hơn đáng kể so với kỳ vọng của chúng tôi, chủ yếu do chênh lệch giá giấy - OCC lớn hơn đáng kể so với dự kiến. Do đó, chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng đáng kể đối với dự báo lợi nhuận năm 2026, dù cần thêm đánh giá chi tiết. Trong thời gian tới, chúng tôi kỳ vọng biên lợi nhuận sẽ dần bình thường hóa trong 6 tháng cuối năm 2026 khi giá OCC và các chi phí vận hành khác, bao gồm chi phí điện nước và logistics, tăng lên. Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng biên lợi nhuận vẫn duy trì cao hơn đáng kể so với mức của năm 2025. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

DPM: LNST quý 2 tăng 2,3 lần YoY; tuy nhiên, dự báo LNST năm 2026 đối mặt với rủi ro giảm - Báo cáo KQKD

Chúng tôi nhận thấy rủi ro giảm đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo năm 2026 (2 nghìn tỷ đồng, +82% YoY), dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết, do giá bán trung bình urê có thể thấp hơn kỳ vọng (sau khi giảm mạnh kể từ thỏa thuận hòa bình Mỹ-Iran, giá urê Trung Đông trung bình từ đầu quý 3 đến nay đạt 390 USD/tấn, -20% YoY; -43% QoQ), và chi phí khí đầu vào có khả năng cao hơn dự kiến.

Chúng tôi hiện có khuyến nghị **PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG** đối với DPM, với giá mục tiêu là 28.000 đồng/cổ phiếu.

KQKD nửa đầu năm 2026 (6T 2026): Doanh thu đạt 12,6 nghìn tỷ đồng (+34% YoY, hoàn thành khoảng 62% dự báo năm 2026 của chúng tôi); trong khi LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 1,3 nghìn tỷ đồng (tăng 2,2 lần YoY và hoàn thành khoảng 68% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

+ Doanh thu tăng trưởng chủ yếu nhờ: (1) giá bán trung bình urê tăng 27% YoY; (2) sản lượng bán NPK tăng 15% YoY; và (3) doanh thu hàng nhập khẩu tăng 79% YoY (theo ước tính của chúng tôi). Các yếu tố này lấn át tác động từ việc sản lượng bán urê giảm 13% YoY.

+ Biên lợi nhuận gộp tăng 4,2 điểm % YoY lên mức 20,7%. Chúng tôi cho rằng mức cải thiện này chủ yếu được thúc đẩy bởi: (1) biên lợi nhuận gộp mảng urê tăng, do giá bán tăng mạnh hơn chi phí khí đầu vào; và (2) đóng góp từ hàng tồn kho có giá vốn thấp.

+ LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo tăng 2,2 lần YoY, chủ yếu nhờ KQKD tích cực của mảng urê.

KQKD quý 2/2026: Doanh thu đạt 7 nghìn tỷ đồng (+32% YoY), trong khi LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 920 tỷ đồng (tăng 2,3 lần YoY).

+ Sản lượng bán: Urê đạt 198 nghìn tấn (-25% YoY); và NPK đạt 85 nghìn tấn (-3% YoY).

+ Theo ước tính của chúng tôi, mức tăng của doanh thu chủ yếu được thúc đẩy bởi: (1) doanh thu urê tăng 9% YoY (do giá bán trung bình tăng 44% YoY, qua đó lấn át mức giảm 25% YoY của sản lượng bán); và (2) doanh thu hàng nhập khẩu tăng 2,1 lần YoY.

+ Lợi nhuận gộp tăng 86% YoY, chủ yếu nhờ lợi nhuận gộp ước tính từ: (1) mảng urê tăng 65% YoY nhờ sản lượng và biên lợi nhuận cải thiện; và (2) hàng nhập khẩu tăng 2,1 lần YoY (nhờ đóng góp từ hàng tồn kho có giá vốn thấp).

+ LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo tăng mạnh, phù hợp với mức tăng trưởng cao của lợi nhuận gộp. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

DXS: Hoạt động môi giới chậm lại và các khoản trích lập dự phòng khiến KQKD quý 2 thấp hơn kỳ vọng - Báo cáo KQKD

* CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh (DXS) ghi nhận doanh thu quý 2/2026 đạt 627 tỷ đồng (-35% YoY; -56% QoQ), và ghi nhận khoản lỗ LNST sau lợi ích CĐTS 37 tỷ đồng, so với mức lãi 216 tỷ đồng trong quý 2/2025 và 189 tỷ đồng trong quý 1/2026.

* Theo công ty, doanh thu quý 2/2026 kém khả quan phản ánh sự suy giảm của hoạt động môi giới trong bối cảnh lãi suất cho vay mua nhà vẫn duy trì ở mức cao và tâm lý khách hàng trở nên thận trọng hơn, khiến giao dịch BĐS trên toàn thị trường giảm sút. Bên cạnh đó, việc phát sinh một số khoản trích lập dự phòng tại các công ty con cũng gây áp lực lên lợi nhuận trong kỳ.

* Trong 6T 2026, doanh thu thuần đạt 2,0 nghìn tỷ đồng (+38% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 152 tỷ đồng (-40% YoY), lần lượt hoàn thành 51% và 38% dự báo cả năm của chúng tôi. Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 hiện tại là 405 tỷ đồng (+15% YoY), dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* **Mảng môi giới:** Doanh thu của mảng này đạt 1,1 nghìn tỷ đồng (+33% YoY) trong 6T 2026, hoàn thành 42% dự báo cả năm của chúng tôi. Biên lợi nhuận gộp của mảng trong 6T 2026 về cơ bản đi ngang so với cùng kỳ ở mức 59%, cao hơn dự báo biên lợi nhuận gộp cả năm ở mức 50% của chúng tôi. Số lượng nhân sự tăng lên 3.572 người vào cuối quý 2/2026 từ mức 2.845 người vào cuối quý 2/2025, mặc dù giảm so với mức 3.908 người vào cuối năm 2025.

* **Mảng bán bất động sản:** Doanh thu của mảng trong 6T 2026 đạt 675 tỷ đồng (+52% YoY), hoàn thành 57% dự báo cả năm của chúng tôi. Biên lợi nhuận gộp của mảng giảm 6 điểm % xuống 40%, phù hợp với giả định biên lợi nhuận gộp 40% cho cả năm của chúng tôi. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

GEX: LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 giảm so với cùng kỳ do chi phí lãi vay cao dù lợi nhuận của GEE/VGC tăng mạnh; không có thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 - Báo cáo KQKD

Chúng tôi nhận thấy không có sự thay đổi đáng kể đối với cả dự báo LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi (1.668 tỷ đồng, +32% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo (1.487 tỷ đồng, +1% YoY) do (1) lợi nhuận của GEE có khả năng cao hơn kỳ vọng, và (2) lợi nhuận từ việc chuyển nhượng dự án Cần Giờ và thu nhập từ các công ty liên doanh cao hơn kỳ vọng; các yếu tố này có thể bù trừ cho (3) chi phí tài chính cao hơn kỳ vọng, dù cần thêm đánh giá chi tiết. Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với GEX với giá mục tiêu là 40.500 đồng/cổ phiếu.

* Danh mục tự doanh chứng khoán đạt 6,1 nghìn tỷ đồng tại cuối quý 2, -8% QoQ (bao gồm trái phiếu và chứng khoán). Tỷ lệ nợ vay ròng/vốn chủ sở hữu nhìn chung được duy trì ở mức 86% (-3% QoQ).

6T 2026: doanh thu đạt 25,2 nghìn tỷ đồng (+40% YoY, khoảng 50% dự báo năm 2026 của chúng tôi); LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi đạt 775 tỷ đồng (-6% YoY, khoảng 46% dự báo năm 2026); và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 784 tỷ đồng (-13% YoY, khoảng 53% dự báo năm 2026).

+ Doanh thu tăng trưởng ở các mảng thiết bị điện, KCN và vật liệu xây dựng (VLXD)

+ Biên lợi nhuận gộp chung giảm xuống 19,7% (-2,1 điểm % YoY), chủ yếu do (1) mảng KCN (46,5%, -14 điểm % YoY do không còn khoản giảm chi phí một lần từ việc quyết toán chi phí đầu tư), và (2) mảng thiết bị điện (14,7%, -1,1 điểm % YoY do giá đồng đầu vào tăng mạnh trong bối cảnh GEE mở rộng thị phần). Các yếu tố này đã một phần được bù đắp bởi (3) sự phục hồi của mảng VLXD (16,6%, +1,1 điểm % YoY).

+ LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi (-6% YoY) diễn biến trái ngược với lợi nhuận gộp (+26% YoY), chủ yếu do (1) chi phí tài chính tăng gấp đôi YoY (tài trợ cho việc mở rộng mảng BĐS nhà ở và Sân bay Quốc tế Gia Bình), và (2) lợi ích CĐTS tăng 55% YoY (chủ yếu từ mảng KCN).

Quý 2/2026: doanh thu đạt 14,5 nghìn tỷ đồng (+43% YoY); LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi đạt 393 tỷ đồng (-25% YoY); và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 539 tỷ đồng (-19% YoY).

+ Lợi nhuận gộp tăng nhờ (1) lợi nhuận gộp mảng thiết bị điện +38% YoY (doanh số tăng bù đắp cho mức giảm nhẹ của biên lợi nhuận gộp), (2) lợi nhuận gộp mảng KCN +18% YoY (diện tích bàn giao tăng mạnh bù đắp cho việc biên lợi nhuận trở lại mức bình thường), và (3) lợi nhuận gộp mảng VLXD +27% YoY (cả doanh thu và biên lợi nhuận đều tăng).

+ LNST cốt lõi diễn biến trái ngược với lợi nhuận gộp, chủ yếu do (1) chi phí tài chính tăng 2,3 lần YoY, và (2) lợi ích CĐTS tăng 51% YoY.

+ LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo cao hơn nhẹ so với lợi nhuận cốt lõi do ghi nhận khoản lãi khoảng 259 tỷ đồng từ việc chuyển nhượng dự án BĐS nhà ở Cần Giờ (GEL sở hữu 50% cổ phần).

VGC: LNST tăng nhờ diện tích bàn giao KCN quý 2 tăng gấp đôi YoY, mảng vật liệu xây dựng phục hồi đúng tiến độ, phù hợp với kỳ vọng

Chúng tôi cho rằng sẽ không có sự thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo năm 2026 (1,7 nghìn tỷ đồng, +20% YoY) do mảng KCN (cả diện tích bàn giao KCN và biên lợi nhuận) và sự phục hồi của mảng vật liệu xây dựng đều phù hợp với dự báo của chúng tôi, dù cần thêm đánh giá chi tiết. Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với VGC với giá mục tiêu là 66.800 đồng/cổ phiếu.

Quý 2/2026: doanh thu đạt 4,5 nghìn tỷ đồng (+38% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 563 tỷ đồng (+28% YoY).

Vui lòng xem nhận định chi tiết của chúng tôi về VGC trong [Báo cáo KQKD VGC](#).

GEE: LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 2 tăng mạnh 51% YoY nhờ doanh thu đạt mức cao kỷ lục; tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS

* Chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo năm 2026 (2,1 nghìn tỷ đồng, -36% YoY) và dự báo LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi (2,1 nghìn tỷ đồng, +1% YoY) do tăng trưởng doanh thu có khả năng cao hơn kỳ vọng, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết.

Quý 2/2026: doanh thu đạt 9,5 nghìn tỷ đồng (+46% YoY), LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi đạt 768 tỷ đồng (+51% YoY), và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 705 tỷ đồng (+34% YoY).

Vui lòng xem nhận định chi tiết của chúng tôi về GEE trong [Báo cáo KQKD GEE](#). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ](#).

GMD: Lợi nhuận báo cáo vượt dự báo nhờ khoản lãi thoái vốn một lần; lợi nhuận cốt lõi tăng 19% QoQ và 17% YoY, nhìn chung phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo KQKD

CTCP Gemadept (GMD) đã công bố KQKD quý 2/2026, như sau:

* Doanh thu: 1.762 tỷ đồng (+21% QoQ, +18% YoY).

* LNST sau lợi ích CĐTS: 1.133 tỷ đồng (+112% QoQ, +155% YoY).

* LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi: 636 tỷ đồng (+19% QoQ, +17% YoY). Công ty đã ghi nhận khoản lãi thoái vốn lớn trị giá 609 tỷ đồng trong quý, mà chúng tôi cho rằng có liên quan đến thương vụ tái cấu trúc với CJ. Lợi nhuận cốt lõi là ước tính của chúng tôi, giả định áp dụng thuế suất 20% cho khoản lãi thoái vốn này.

KQKD 6T 2026:

* Doanh thu: 3.214 tỷ đồng (+16% YoY; tương đương 44% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* LNST sau lợi ích CĐTS: 1.668 tỷ đồng (+97% YoY; tương đương 63% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi: 1.170 tỷ đồng (+24% YoY; tương đương 44% dự báo năm 2026 của chúng tôi). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

GVR: LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 tăng 73% YoY chủ yếu nhờ thu nhập thuần khác, vượt kỳ vọng của chúng tôi - Báo cáo KQKD

* Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (GVR) báo cáo doanh thu quý 2/2026 đạt 7,1 nghìn tỷ đồng (+18% YoY nhưng -20% QoQ) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 2,3 nghìn tỷ đồng (+63% YoY & +2% QoQ). Chúng tôi cho rằng lợi nhuận tăng so với cùng kỳ chủ yếu nhờ thu nhập thuần khác cao hơn, phần lớn đến từ đền bù đất, cùng với giá bán trung bình cao su cao hơn.

* Trong 6T 2026, doanh thu tăng 38% YoY đạt 15,9 nghìn tỷ đồng trong khi LNST sau lợi ích CĐTS tăng 73% YoY đạt 4,5 nghìn tỷ đồng, lần lượt hoàn thành 49% và 66% dự báo cả năm của chúng tôi. Chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 của chúng tôi là 6,8 nghìn tỷ đồng (+29% YoY) do thu nhập thuần khác cao hơn kỳ vọng, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Thu nhập khác thuần tăng 192% YoY đạt 2,4 nghìn tỷ đồng trong 6T 2026, hoàn thành 89% dự báo cả năm của chúng tôi, bao gồm 1,1 nghìn tỷ đồng (+55% YoY) từ thanh lý cây cao su và 1,2 nghìn tỷ đồng (+14 lần YoY) từ thu nhập đền bù. Chúng tôi cho rằng thu nhập thuần khác tăng mạnh chủ yếu nhờ tiến độ chuyển đổi đất cao su nhanh hơn, đặc biệt tại Bình Dương (nay là một phần của TP. HCM) đối với công ty con PHR và tại Đồng Nai.

* Màng mủ cao su và sản phẩm cao su ghi nhận 3,7 nghìn tỷ đồng (+45% YoY) lợi nhuận gộp trong 6T 2026, đóng góp 82% tổng lợi nhuận gộp và hoàn thành 48% dự báo cả năm của chúng tôi. Chúng tôi cho rằng lợi nhuận của mảng này cải thiện so với cùng kỳ chủ yếu nhờ giá bán trung bình cao hơn. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

HSG: LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 3 tăng mạnh nhờ biên lợi nhuận cải thiện đáng kể; tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo ngắn hạn nhưng triển vọng dài hạn không thay đổi - Báo cáo KQKD

CTCP Tập đoàn Hoa Sen (HSG) công bố KQKD quý 3 năm tài chính 2026 như sau:

Quý 3 năm tài chính 2026:

- Sản lượng tiêu thụ: 449.521 tấn (+15% QoQ; -3% YoY).

- Doanh thu thuần: 9.993 tỷ đồng (+11% QoQ, +5% YoY).

- LNST sau lợi ích CĐTS: 382 tỷ đồng (+209% QoQ, +39% YoY).
 - LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi: 377 tỷ đồng (+178% QoQ, +89% YoY). Lợi nhuận cốt lõi loại trừ (1) trích lập/hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho, (2) lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá, và (3) lãi/lỗ khác.
- 9 tháng đầu năm tài chính 2026:
- Sản lượng tiêu thụ: 1.238 nghìn tấn (-10% YoY; đạt 62% dự báo năm tài chính 2026 của chúng tôi).
 - Doanh thu thuần: 27.351 tỷ đồng (-3% YoY; đạt 62% dự báo năm tài chính 2026 của chúng tôi).
 - LNST sau lợi ích CĐTS: 568 tỷ đồng (-12% YoY; đạt 96% dự báo năm tài chính 2026 của chúng tôi).
 - LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi: 552 tỷ đồng (+79% YoY; đạt 99% dự báo năm tài chính 2026 của chúng tôi). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

IDC: LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 tăng 37% YoY nhờ lượng bàn giao đất KCN cao hơn; doanh số cho thuê đất KCN phục hồi đúng kỳ vọng - Báo cáo KQKD

* Tổng Công ty IDICO (IDC) công bố KQKD quý 2/2026 với doanh thu đạt 2,3 nghìn tỷ đồng (+29% YoY và +53% QoQ) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 610 tỷ đồng (+105% YoY và +125% QoQ). Chúng tôi cho rằng lợi nhuận tăng mạnh chủ yếu nhờ lượng bàn giao đất KCN cao hơn từ lượng backlog chưa ghi nhận doanh thu.

* Trong 6T 2026, doanh thu đạt 3,8 nghìn tỷ đồng (+6% YoY), trong khi LNST sau lợi ích CĐTS tăng 37% YoY đạt 880 tỷ đồng, lần lượt hoàn thành 42% và 44% dự báo cả năm của chúng tôi. Nhìn chung, chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo lợi nhuận năm 2026 của chúng tôi, dù cần thêm đánh giá chi tiết, khi chúng tôi kỳ vọng lượng bàn giao đất KCN sẽ tăng tốc trong nửa cuối năm 2026.

* **Mảng KCN:** Doanh thu của mảng này đạt 1,5 nghìn tỷ đồng (+37% YoY) trong 6T 2026, hoàn thành 40% dự báo cả năm của chúng tôi. Trong khi đó, biên lợi nhuận gộp của mảng này mở rộng lên 64,1% từ mức 60,5% trong 6T 2025, cao hơn dự báo cả năm của chúng tôi là 60,7%. Chúng tôi cho rằng biên lợi nhuận mở rộng so với cùng kỳ là do giá cho thuê trung bình cao hơn tại phần lớn các KCN của IDC. Chúng tôi ước tính dòng tiền từ KCN trong 6T 2026 giảm nhẹ 4% YoY còn 1,6 nghìn tỷ đồng, tương đương 46% dự báo cả năm của chúng tôi.

* IDC ghi nhận doanh số cho thuê đất KCN sơ bộ khoảng 45 ha trong 6T 2026, nhìn chung phù hợp với dự báo của chúng tôi về việc doanh số cho thuê đất KCN phục hồi lên 100 ha trong năm 2026 từ mức 76 ha trong năm 2025. Chúng tôi kỳ vọng sự phục hồi này được hỗ trợ bởi quỹ đất sẵn sàng cho thuê quy mô lớn của IDC tại các tỉnh công nghiệp trọng điểm.

* **Mảng bất động sản:** IDC ghi nhận doanh thu mảng này đạt 40 tỷ đồng trong 6T 2026 (-85% YoY). Chúng tôi kỳ vọng doanh thu bất động sản sẽ tăng tốc trong nửa cuối năm 2026, được hỗ trợ bởi các đợt bàn giao đất theo kế hoạch. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

MBB: Mức tăng trưởng tín dụng mạnh và sự phục hồi của NIM hỗ trợ lợi nhuận tăng cao hơn kỳ vọng - Báo cáo KQKD

Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB) đã công bố KQKD hợp nhất nửa đầu năm 2026 (6T 2026) với tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 37,9 nghìn tỷ đồng (+16% YoY) và LNTT đạt 20,2 nghìn tỷ đồng (+27% YoY), lần lượt hoàn thành 44% và 49% dự báo cả năm của chúng tôi. LNTT quý 2 đạt 10,6 nghìn tỷ đồng (+41% YoY; +10% QoQ). Kết quả lợi nhuận nhìn chung đã vượt dự báo của chúng tôi, chủ yếu nhờ sự phục hồi của NIM, cùng với mức chi phí tín dụng và tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) thấp hơn dự kiến, qua đó lấn át kết quả kém tích cực của thu nhập ngoài lãi. Chúng tôi tiếp tục có quan điểm tích cực về triển vọng năm 2026 của MBB, nhờ tăng trưởng tín dụng mạnh, NIM phục hồi và khả năng kiểm soát chi phí tốt.

* **Tăng trưởng tín dụng đạt 13,2%, cao hơn đáng kể so với mức tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống là 8,5%.** Tại ngân hàng mẹ, tăng trưởng tín dụng chủ yếu đến từ hoạt động cho vay BĐS (+39% trong 6T; chiếm 14,3% tổng dư nợ) và cho vay phục vụ nhu cầu hộ gia đình (+18% trong 6T; chiếm 22% tổng dư nợ), bên cạnh việc cho vay phục vụ nhu cầu của các ngành sản xuất, chế biến và thương mại đa dạng. Dư nợ cho vay kỳ quỹ của MBS đạt 16,8 nghìn tỷ đồng (+12% trong 6T, tương đương 1,4% tổng dư nợ hợp nhất).

* **Tiền gửi khách hàng chỉ tăng 4,6%, nhưng giấy tờ có giá tăng 24,7%, qua đó hỗ trợ đáng kể khả năng huy động vốn của ngân hàng.** Tỷ lệ CASA phục hồi nhẹ QoQ lên mức 34,6% (+1,5 điểm % QoQ; -3,3 điểm % YoY), cao thứ hai toàn ngành, chỉ sau TCB. Tỷ lệ CASA cao dự kiến sẽ phần nào giảm bớt áp lực tăng chi phí vốn từ việc tích cực huy động giấy tờ có giá có chi phí cao hơn.

* **NIM quý 2 phục hồi QoQ** lên mức 4,15% (+35 điểm cơ bản QoQ; +1 điểm cơ bản YoY), do lợi suất tài sản sinh lãi cải thiện lên mức đủ để lấn át chi phí vốn gia tăng. NIM 6T đạt 3,91%, cao hơn đáng kể so với dự báo năm 2026 của chúng tôi là 3,76%. Tuy nhiên, để duy trì NIM ở mức của quý 2, MBB sẽ cần tiếp tục điều chỉnh tăng lợi suất tài sản trong bối cảnh chi phí vốn vẫn chịu áp lực. Điều này sẽ trở nên thách thức hơn nếu ngân hàng đặt mục tiêu sử dụng hết hạn mức tín dụng ưu tiên được cấp trong năm nay.

* **Thu nhập ngoài lãi thấp hơn tiến độ dự báo của chúng tôi.** Thu nhập phi thuần 6T tăng 11,5% YoY, nhờ thu nhập phi từ dịch vụ thanh toán, bảo hiểm và chứng khoán cải thiện. Tuy nhiên, mức tăng này bị lấn át bởi: (1) thu nhập từ kinh doanh ngoại hối giảm 90% YoY xuống còn 106 tỷ đồng; (2) lãi thuần từ chứng khoán đầu tư giảm từ 1,3 nghìn tỷ đồng trong 6T 2025 xuống chỉ còn 4 tỷ đồng; và (3) thu nhập từ việc thu hồi các khoản nợ đã xử lý rủi ro giảm 22% YoY xuống còn 1,57 nghìn tỷ đồng. Riêng trong quý 2, thu nhập phi thuần đã giảm 5,7% YoY, thu nhập từ kinh doanh ngoại hối giảm 74% YoY và thu nhập từ chứng khoán đầu tư giảm 57% YoY.

* **Hiệu quả hoạt động tiếp tục duy trì tích cực.** CIR trong 6T 2026 giảm xuống mức 26,3% (-1,0 điểm % YoY). Mặc dù chúng tôi dự kiến chi phí HDKD có thể sẽ được ghi nhận nhiều hơn trong nửa cuối năm (nhờ yếu tố mùa vụ), nhưng mức CIR hiện tại vẫn thấp hơn đáng kể so với dự báo cả năm của chúng tôi là 29,5%.

* **Các chỉ tiêu chất lượng tài sản nhìn chung vẫn ổn định, trong khi bộ đệm dự phòng cải thiện.** Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất tăng nhẹ lên 1,45% (+3 điểm cơ bản QoQ; -15 điểm cơ bản YoY), trong khi tỷ lệ nợ nhóm 2 cải thiện xuống còn 0,98% tổng dư nợ cho vay (-8 điểm cơ bản QoQ; -32 điểm cơ bản YoY). Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) đạt 93,6% (+1,4 điểm % QoQ; +4,7 điểm % YoY). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

MWG: LNST quý 2 tăng gấp đôi YoY và vượt dự báo; LNST của DMX tăng mạnh 98% YoY, biên LNST của BHX đạt 3,4% - Báo cáo KQKD

CTCP Đầu tư Thế giới Di động (MWG) đã công bố KQKD quý 2/2026 với doanh thu tăng 30% YoY, trong khi LNST tăng mạnh 100% YoY lên mức 3,3 nghìn tỷ đồng, và vượt kỳ vọng của chúng tôi, nhờ KQKD của cả DMX và BHX đều vượt dự báo. Chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng đối với dự báo của chúng tôi, mặc dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết.

DMX:

* Doanh thu quý 2/2026 tăng 26% YoY lên mức 32,9 nghìn tỷ đồng (so với mức tăng 33% YoY được ghi nhận trong quý 1/2026), chủ yếu nhờ được thúc đẩy bởi tăng trưởng doanh thu của hàng hiện hữu (SSSG).

* Tăng trưởng doanh thu của điện thoại Apple giảm từ +65% YoY trong quý 1/2026 xuống còn +35% YoY trong quý 2/2026.

* Doanh thu điện thoại Android duy trì mức tăng +15% YoY trong cả hai quý.

* Doanh thu máy tính xách tay tăng tốc lên mức +40% YoY trong quý 2/2026, so với +30% YoY ghi nhận trong quý 1/2026.

* Thời tiết nắng nóng nhìn chung hỗ trợ đà tăng trưởng của doanh số bán máy điều hòa (tăng 70% YoY, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi).

* Tăng trưởng doanh thu TV giảm từ +30% YoY trong quý 1/2026 xuống còn +9% YoY trong quý 2/2026.

* Doanh thu dịch vụ tăng 48% YoY và chiếm 5% tổng doanh thu. Doanh số bán trả góp chiếm 38% tổng doanh thu của DMX trong 6T 2026, so với 33% trong cả năm 2025. Mạng Thợ Điện Máy Xanh ghi nhận doanh thu tăng tốc, tăng mạnh 70% QoQ lên mức 1.198 tỷ đồng trong quý 2/2026.

* LNST tăng 98% YoY và 20% QoQ lên mức 2,66 nghìn tỷ đồng, cao hơn đáng kể so với tốc độ tăng doanh thu. Việc giá linh kiện bộ nhớ neo ở mức cao và doanh thu dịch vụ gia tăng đã hỗ trợ biên lợi nhuận ròng mở rộng lên mức 8,1% (từ mức 5,1% trong quý 2/2025 và 6,8% trong quý 1/2026).

BHX:

* Doanh thu quý 2/2026 đạt 15,2 nghìn tỷ đồng, tăng 31% YoY và 16% QoQ. Doanh thu trung bình hằng tháng trên mỗi cửa hàng phục hồi lên mức 1,7 tỷ đồng trong tháng 5-6/2026. Trước đó, việc đẩy nhanh tiến độ mở mới cửa hàng đã khiến chỉ tiêu này giảm từ 2,0 tỷ đồng vào cuối năm 2024 xuống còn 1,6 tỷ đồng trong quý 1/2026. Theo ban lãnh đạo của MWG, mức tăng trưởng doanh thu cửa hàng hiện hữu của BHX đã ghi nhận sự cải thiện trong quý 2/2026.

* Biên lợi nhuận ròng đạt 3,4% trong quý 2/2026, vượt mức cao kỷ lục trước đó là 2,9% trong quý 1/2026. Theo MWG, việc tối ưu hóa danh mục sản phẩm đang phát huy hiệu quả trong bối cảnh tình trạng gián đoạn lưu lượng khách hàng giảm dần và mức hao hụt hàng hóa được cải thiện. Nhờ đó, LNST đã ghi nhận mức tăng mạnh 197% YoY và 37% QoQ.

* Mở mới cửa hàng BHX: Chuỗi đã mở thêm 632 cửa hàng trong 6T 2026, trong đó 18% nằm tại miền Bắc, so với mục tiêu mở mới 1.000 cửa hàng trong cả năm 2026. Các cửa hàng này đã vượt điểm hòa vốn hoạt động ở cấp cửa hàng và bù đắp được một phần chi phí logistics. Trong khi đó, các cửa hàng mở trong năm 2025 đã bù đắp đầy đủ cả chi phí hoạt động và logistics. Chúng tôi lưu ý rằng BHX thường giảm tốc độ mở mới cửa hàng trong mùa mưa quý 3. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

NLG: Doanh số bán BĐS và lợi nhuận quý 2 thấp hơn dự kiến; dự báo đang được xem xét - Báo cáo KQKD

* Trong quý 2/2026, CTCP Đầu tư Nam Long (NLG) ghi nhận doanh thu BĐS cốt lõi (bao gồm các dự án liên doanh Mizuki Park và Izumi City) đạt 417 tỷ đồng (-47% QoQ; -47% YoY) và LNST sau lợi ích CBTS đạt 55 tỷ đồng (-19% QoQ; -44% YoY), chủ yếu do hoạt động bàn giao BĐS thấp hơn.

* Trong nửa đầu năm 2026 (6T 2026), doanh thu BĐS cốt lõi đạt 1,2 nghìn tỷ đồng (-41% YoY) và LNST sau lợi ích CBTS đạt 123 tỷ đồng (-41% YoY), với các dự án bàn giao chính bao gồm Southgate và Cần Thơ.

* Doanh số bán BĐS 6T 2026 của NLG tăng 52% YoY đạt 5,1 nghìn tỷ đồng, được hỗ trợ bởi Sol Garden (chiếm 25% tổng doanh số), Mizuki Park (20%), Izumi City (18%) và Southgate (14%).

* Với việc LNST sau lợi ích CBTS và doanh số bán BĐS 6T 2026 chỉ hoàn thành lần lượt 17% và 35% dự báo cả năm tương ứng, chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo LNST sau lợi ích CBTS năm 2026 (710 tỷ đồng; +1% YoY) và dự báo doanh số bán BĐS năm 2026 (14,4 nghìn tỷ đồng; +21% YoY) của chúng tôi, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Tại thời điểm cuối quý 2/2026, NLG tiếp tục duy trì vị thế tiền mặt ròng, với tỷ lệ nợ vay ròng/VCSH ở mức -6,5%, so với mức -11,8% tại thời điểm cuối quý 1/2026 và -17,8% tại thời điểm cuối năm 2025.

* Thay đổi vị trí Tổng Giám đốc: Ngày 28/07, NLG thông báo ông Lucas Ignatius Loh Jen Yuh sẽ từ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc, còn bà Nguyễn Thanh Hương, Giám đốc Đầu tư hiện tại, được bổ nhiệm làm Quyền Tổng Giám đốc. Chúng tôi kỳ vọng sự thay đổi nhân sự cấp cao này sẽ không ảnh hưởng đến chiến lược của công ty trong trung hạn. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

NVL: Lợi nhuận nửa đầu năm vượt dự báo cả năm 2026 nhờ khoản lãi thoái vốn trong quý 2 - Báo cáo KQKD

* CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (NVL) ghi nhận LNST sau lợi ích CĐTS quý 2/2026 đạt 969 tỷ đồng (+8% QoQ và so với khoản lỗ ròng 161 tỷ đồng trong quý 2/2025), chủ yếu nhờ khoản lãi thoái vốn tại Công Ty TNHH Ngôi nhà Mega, Công Ty TNHH Mega Tie và An Phát. Doanh thu quý 2/2026 đạt 1,5 nghìn tỷ đồng (-58% QoQ; -22% YoY), chủ yếu đến từ hoạt động bàn giao tại các dự án Sunrise Riverside, Victoria Village, Aqua City, NovaWorld Phan Thiet và NovaWorld Ho Tram.

* Trong 6T 2026, LNST sau lợi ích CĐTS đạt 1,87 nghìn tỷ đồng (so với khoản lỗ ròng 604 tỷ đồng trong 6T 2025), vượt dự báo cả năm 2026 của chúng tôi, chủ yếu nhờ khoản lãi thoái vốn ghi nhận trong quý 2 và chi phí tài chính thấp hơn dự kiến. Chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo lợi nhuận năm 2026 hiện tại, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Dư nợ vay: Tỷ lệ nợ vay ròng/VCSH (được tính bằng nợ vay gộp trừ tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, chia cho tổng VCSH) của NVL ở mức 102,6% vào cuối quý 2/2026, so với mức 105,9% vào cuối quý 1/2026 và mức 106,9% vào cuối năm 2025. Tính đến cuối quý 2/2026, tổng nợ vay của NVL tăng 8% so với đầu năm, đạt 72,9 nghìn tỷ đồng, trong đó trái phiếu doanh nghiệp giảm 5% xuống 23,6 nghìn tỷ đồng, trong khi các khoản vay ngân hàng và nợ vay khác tăng 16% lên 49,3 nghìn tỷ đồng. Nợ vay đáo hạn trong vòng 12 tháng đạt 30,5 nghìn tỷ đồng, bao gồm 13,2 nghìn tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

PNJ: Ghi nhận lỗ ròng 283 tỷ đồng trong quý 2/2026, chủ yếu do trích lập dự phòng liên quan đến hoạt động mua lại - Báo cáo KQKD

1. KQKD quý 2/2026:

* **KQKD quý 2/2026:** Doanh thu thuần quý 2/2026 tăng 12% YoY, chủ yếu nhờ doanh thu vàng miếng tăng 27% YoY, trong khi doanh thu bán lẻ tăng trưởng khiêm tốn ở mức 2% YoY. Lợi nhuận gộp giảm 4% YoY, trong khi biên lợi nhuận gộp giảm 3,1 điểm phần trăm YoY xuống 18,4% trong quý 2/2026, mà chúng tôi cho rằng chủ yếu đến từ (1) cơ cấu doanh thu kém thuận lợi hơn khi mảng bán lẻ chỉ chiếm 57,7% tổng doanh thu quý 2/2026 (so với 62,7% trong quý 2/2025) và (2) chi phí dự phòng hàng tồn kho ròng trị giá 368 tỷ đồng (đối với hàng tồn kho tại thời điểm cuối quý 2/2026). Chi phí bán hàng giảm 12% YoY do chi phí bán hàng trực tiếp phát sinh từ mảng vàng miếng thấp (dù tỷ trọng đóng góp doanh thu mảng vàng miếng cao hơn) cùng với hoạt động tối ưu hóa chi phí.

Trong khi đó, chi phí quản lý doanh nghiệp (G&A) tăng mạnh 422% YoY do PNJ ghi nhận 865 tỷ đồng chi phí dự phòng liên quan đến các hoạt động mua lại được thực hiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán quý 2/2026. Chi phí tài chính ròng tăng lên 90 tỷ đồng (so với 22 tỷ đồng trong quý 2/2025) do thu nhập tài chính ghi nhận mức âm 28 tỷ đồng trong quý 2/2026 (so với mức dương 24 tỷ đồng trong quý 2/2025), chủ yếu do khoản hoàn nhập lãi tiền gửi dự thu 31 tỷ đồng sau khi tất toán sớm các khoản tiền gửi có kỳ hạn. Chúng tôi cho rằng công ty đã tất toán các khoản tiền gửi trước hạn nhằm bổ sung nguồn vốn cho hoạt động mua lại. Kết quả là, PNJ ghi nhận khoản lỗ ròng 283 tỷ đồng trong quý 2/2026, so với mức LNST sau lợi ích CĐTS đạt 437 tỷ đồng trong quý 2/2025.

*** Liên quan đến khoản chi phí dự phòng 865 tỷ đồng:** Sau ngày kết thúc kỳ kế toán quý 2/2026 (ngày 30/06/2026), những diễn biến bất thường trên thị trường kim cương đã khiến lượng khách hàng bán lại cho PNJ tăng mạnh. Tổng giá trị mua lại đạt 7 nghìn tỷ đồng trong giai đoạn từ ngày 01/07 đến 27/07, trong đó kim cương rời chiếm khoảng 30% (tương đương khoảng 2,1 nghìn tỷ đồng), và phần còn lại thuộc về trang sức và vàng miếng. PNJ đã thận trọng trích lập khoản dự phòng 865 tỷ đồng cho giá trị mua lại kim cương rời này, tương đương khoảng 41% giá trị. Khoản dự phòng được xác định trên cơ sở thận trọng dựa trên giá trị mua lại, giá trị thu hồi ước tính và mức điều chỉnh tỷ lệ ước tính tùy thuộc vào từng nhóm kích thước kim cương.

Ban lãnh đạo cho rằng sự việc này có thể tiếp tục ảnh hưởng đến KQKD nửa cuối năm 2026, và các tác động sẽ được đánh giá lại trong báo cáo tài chính quý 3/2026.

*** KQKD theo từng mảng trong quý 2/2026:**

- **Mảng bán lẻ (chiếm 57,7% tổng doanh thu)** tăng nhẹ 2% YoY, phản ánh sức mua tiêu dùng yếu và nhu cầu trang sức thấp do yếu tố mùa vụ.

- **Doanh thu bán sỉ (chiếm 12,7% tổng doanh thu)** tăng 20% YoY do các cửa hàng kim hoàn nhỏ lẻ mua trang sức từ PNJ để đảm bảo nguồn gốc xuất xứ.

- **Doanh thu vàng miếng (chiếm 28,6% tổng doanh thu)** tăng 27% YoY, nhờ giá vàng cao hơn.

*** Vị thế bảng cân đối kế toán tại thời điểm cuối quý 2/2026:**

- **Tiền mặt:** Tổng tiền mặt, các khoản tương đương tiền và đầu tư ngắn hạn ở mức 4,0 nghìn tỷ đồng (so với 4,5 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối quý 1/2026), bao gồm 609 tỷ đồng tiền mặt và các khoản tương đương tiền (so với 924 tỷ đồng tại thời điểm cuối quý 1/2026) và 3.393 tỷ đồng đầu tư ngắn hạn (so với 3.586 tỷ đồng tại thời điểm cuối quý 1/2026). Chúng tôi cho rằng công ty nhiều khả năng đã sử dụng các tài sản có tính thanh khoản cao này để tài trợ cho sự gia tăng đột biến của các hoạt động mua lại trong tháng 7.

- **Hàng tồn kho:** Tổng giá trị hàng tồn kho (giá gốc) đạt 15,6 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối quý 2/2026 (so với 13,5 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối quý 1/2026), bao gồm 1,3 nghìn tỷ đồng nguyên vật liệu (chiếm 8% tổng hàng tồn kho), 14,0 nghìn tỷ đồng thành phẩm và hàng hóa (chiếm 90% tổng hàng tồn kho), và 250 tỷ đồng hàng tồn kho khác (chiếm 2% tổng hàng tồn kho). Chúng tôi cho rằng giá trị hàng tồn kho đã tăng đáng kể trong tháng 7 do các hoạt động mua lại.

- **Nợ vay:** Dư nợ vay ngắn hạn đạt tổng cộng 3.989 tỷ đồng tại thời điểm cuối quý 2/2026 (so với 2.894 tỷ đồng tại thời điểm cuối quý 1/2026). Trong số các khoản vay ngắn hạn, 3.399 tỷ đồng (85%) được đảm bảo bằng hàng tồn kho và tài sản cố định, trong khi 590 tỷ đồng (15%) là tín chấp.

*** Số lượng cửa hàng (cửa hàng vàng):** 430 cửa hàng tại thời điểm cuối tháng 6/2026 (không có cửa hàng mở mới trong quý 2/2026; giảm 1 cửa hàng trong 6T 2026).

2. KQKD 6T 2026: Doanh thu thuần đạt 25,7 nghìn tỷ đồng (+49% YoY) và LNST đạt 1.184 tỷ đồng (+6% YoY), lần lượt hoàn thành 56% và 38% dự báo cả năm của chúng tôi. Nhìn chung, kết quả này thấp hơn kỳ vọng của chúng tôi, và do đó chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với các dự báo kịch bản cơ sở năm 2026 hiện tại, dù cần thêm đánh giá toàn diện hơn. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

PVS: LNST 6T 2026 tăng 37% YoY; LNST cốt lõi nhìn chung phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo KQKD

*** Chúng tôi nhận thấy không có sự thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi năm 2026 của chúng tôi, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết.** LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo nửa đầu năm (6T) hoàn thành 51% dự báo cả năm của chúng tôi và cao hơn kỳ vọng, chủ yếu nhờ khoản thu nhập bồi thường 459 tỷ đồng (cao hơn dự báo 100 tỷ đồng của chúng tôi). Trong khi đó, LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi hoàn thành 31% dự báo cả năm của chúng tôi. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng kết quả này chủ yếu phản ánh cách tiếp cận thận trọng của PVS trong việc ghi nhận doanh thu theo tiến độ dự án trong 6T. Chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận cốt lõi sẽ tăng mạnh hơn trong nửa cuối năm khi tiến độ triển khai dự án Lô B được đẩy nhanh và doanh thu mảng cơ khí & xây lắp được ghi nhận nhiều hơn về cuối năm.

*** Trong 6T, mảng cơ khí & xây lắp nhìn chung phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi**, với doanh thu hoàn thành 35% dự báo năm 2026, lợi nhuận gộp hoàn thành 46% dự báo và biên lợi nhuận gộp trung bình đạt 6,6%, so với dự báo trung bình cả năm của chúng tôi là 5%. Ngoài ra, PVS chưa ghi nhận khoản hoàn nhập dự phòng bảo hành nào đáng kể trong 6T (so với khả năng hoàn nhập dự phòng tiềm năng là 635 tỷ đồng được chia sẻ tại buổi họp gặp gỡ nhà đầu tư tháng 6/2026 và dự báo của chúng tôi là 150 tỷ đồng). Khoản hoàn nhập này có thể bù đắp cho mức chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp (SG&A) cao hơn kỳ vọng.

*** Các cơ hội trong ngắn hạn từ các dự án dầu khí tại Trung Đông và dự án Hải Sư Vàng có thể tạo dư địa tăng cho dự báo lợi nhuận năm 2027 của chúng tôi.** Trong khi đó, khối lượng công việc lớn từ dự án Cá Voi Xanh, dự án điện gió ngoài khơi của PVN, dự án xuất khẩu điện gió ngoài khơi sang Singapore và điện hạt nhân là những yếu tố có thể tạo dư địa tăng cho dự báo lợi nhuận giai đoạn 2028-2030 của chúng tôi. PVS cho biết dự án dầu khí Hải Sư Vàng có thể đạt quyết định đầu tư cuối cùng (FID) vào năm 2027 (sớm hơn một năm so với kỳ vọng của chúng tôi). Nhận định này củng cố giả định của chúng tôi rằng PVS sẽ nhận được hợp đồng trị giá 500 triệu USD từ mỏ dầu này.

*** Trong 6T 2026, PVS ghi nhận doanh thu đạt 17,3 nghìn tỷ đồng (+29% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 941 tỷ đồng (+37% YoY).** Chúng tôi ước tính LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi đạt 582 tỷ đồng (-32% YoY). LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi giảm chủ yếu do: (1) thu nhập tài chính ròng giảm 29% YoY, phản ánh lãi tỷ giá thấp hơn; và (2) thu nhập từ các liên doanh FSO/FPSO giảm 23% YoY. Các yếu tố này lấn át việc LN từ HĐKD phục hồi lên mức dương 148 tỷ đồng, từ mức lỗ 114 tỷ đồng trong 6T 2025. **Sự cải thiện của LN từ HĐKD chủ yếu được thúc đẩy bởi:** (1) doanh thu mảng cơ khí & xây lắp tăng 19% YoY, nhờ tiếp tục triển khai các dự án lớn; và (2) chi phí bán hàng giảm 39% YoY, chủ yếu do việc giảm trích lập dự phòng bảo hành ngắn hạn. Lợi nhuận báo cáo được hỗ trợ bởi 456 tỷ đồng thu nhập khác thuần (so với 3 tỷ đồng ghi nhận trong 6T 2025), mà chúng tôi cho là khoản bồi thường cho việc hủy hợp đồng EPC gồm 35 chân đế/chân móng thuộc dự án điện gió ngoài khơi Formosa tại Đài Loan (số tiền này cũng cao hơn đáng kể so với mức ước tính 100 tỷ đồng trước đó của chúng tôi).

*** Trong quý 2/2026, PVS đã ghi nhận doanh thu đạt 8,6 nghìn tỷ đồng (+17% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 525 tỷ đồng (+48% YoY).** Chúng tôi ước tính LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi đạt 164 tỷ đồng (-70% YoY). Mặc dù lợi nhuận báo cáo được hỗ trợ bởi khoản thu nhập bồi thường 460 tỷ đồng, EBIT và LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi trong quý 2 suy giảm do: (1) Doanh thu mảng cơ khí & xây lắp giảm 4% YoY, mà chúng tôi cho rằng diễn biến này phản ánh cách tiếp cận thận trọng của PVS trong việc ghi nhận doanh thu theo tiến độ dự án vào đầu năm, trước khi ghi nhận phần khối lượng lớn hơn về cuối năm; (2) Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 33% YoY, chủ yếu do chi phí nhân sự cao hơn liên quan đến việc bảo đảm an toàn và đưa người lao động của PVS từ Trung Đông về nước; (3) Thu nhập tài chính ròng giảm 17% YoY do lãi tỷ giá thấp hơn, mặc dù thu nhập lãi tăng nhờ số dư tiền mặt lớn hơn; và (4) thu nhập từ liên doanh FSO/FPSO giảm 20% YoY, chủ yếu do đóng góp thấp hơn sau đợt đóng FSO Lạc Đà Vàng vào năm trước. Chúng tôi cũng lưu ý rằng tổng dự phòng bảo hành đã tăng 104 tỷ đồng QoQ trong quý 2, bao gồm 59 tỷ đồng bổ sung vào dự phòng dài hạn và 45 tỷ đồng vào dự phòng ngắn hạn.

*** Chúng tôi lưu ý PVS đã thực hiện một số điều chỉnh phân loại kế toán theo Thông tư 99/2025/TT-BTC, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.** Đáng chú ý nhất, dự phòng bảo hành công trình ngắn hạn hiện được ghi nhận vào chi phí bán hàng thay vì giá vốn hàng bán. Do đó, một số chi phí trước đây được ghi nhận trong giá vốn của mảng cơ khí & xây lắp đã được chuyển sang chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp. Vì vậy, chúng tôi cho rằng LN từ HĐKD hiện cung cấp cái nhìn toàn diện hơn về kết quả hoạt động cốt lõi của mảng M&C so với lợi nhuận gộp. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

SIP: LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 tăng 18% YoY, nhìn chung phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo KQKD

* CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG (SIP) ghi nhận doanh thu thuần quý 2/2026 đạt 2,4 nghìn tỷ đồng (+13% YoY; +11% QoQ) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 413 tỷ đồng (+45% YoY; +24% QoQ). Chúng tôi cho rằng mức tăng trưởng lợi nhuận mạnh so với cùng kỳ chủ yếu nhờ lợi nhuận cốt lõi cao hơn từ mảng tiện ích KCN, cùng với khoản thu nhập khác ròng bất thường.

* Trong 6T 2026, doanh thu thuần đạt 4,6 nghìn tỷ đồng (+12% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 747 tỷ đồng (+18% YoY), lần lượt hoàn thành 52% và 56% dự báo năm 2026 của chúng tôi. Chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo năm 2026 hiện tại, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* **Mảng KCN:** Doanh thu mảng KCN 6T 2026 tăng 8% YoY, chủ yếu phản ánh biến động của doanh thu chưa thực hiện, vì SIP ghi nhận doanh thu bán đất KCN theo phương pháp phân bổ. Chúng tôi ước tính dòng tiền từ mảng KCN trong 6T 2026 đạt 874 tỷ đồng (-26% YoY), hoàn thành 56% dự báo cả năm. Diện tích đất KCN cho thuê của SIP đã phục hồi lên khoảng 48 ha trong 6T 2026, bao gồm khoảng 33 ha tại KCN Phước Đông (Tây Ninh) và 14 ha tại KCN Lộc An – Bình Sơn (Đồng Nai), vượt mức khoảng 29 ha được ghi nhận trong cả năm 2025.

* **Mảng tiện ích KCN:** Lợi nhuận gộp mảng này trong 6T 2026 tăng 12% YoY lên 481 tỷ đồng, hoàn thành 50% dự báo cả năm của chúng tôi.

* **Mảng bất động sản nhà ở:** Hoạt động bán hàng và bàn giao tại dự án Phước Đông (Tây Ninh), với tổng diện tích đất 247 ha, là động lực tăng trưởng doanh thu chính trong 6T 2026. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

TLG: Tăng trưởng xuất khẩu tích cực hỗ trợ doanh thu 6 tháng đầu năm, KQKD nhìn chung phù hợp với kỳ vọng; giao dịch với Kokuyo có khả năng chậm hơn so với kế hoạch - Báo cáo KQKD

* CTCP Tập đoàn Thiên Long (TLG) công bố doanh thu quý 2/2026 đạt 1,4 nghìn tỷ đồng (+9% YoY; +35% QoQ), trong khi LNST sau lợi ích CĐTS giảm còn 199 tỷ đồng (-10% YoY; +72% QoQ). Theo đó, doanh thu 6T 2026 đạt 2,4 nghìn tỷ đồng (+15% YoY; hoàn thành 51% dự báo năm 2026 của chúng tôi) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 315 tỷ đồng (+4% YoY; hoàn thành 58% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

- **Doanh thu xuất khẩu** tiếp tục là động lực tăng trưởng chính, đạt 396 tỷ đồng trong quý 2/2026 (+26% YoY; +17% QoQ), qua đó nâng doanh thu xuất khẩu 6T 2026 lên 735 tỷ đồng (+23% YoY; hoàn thành 53% dự báo năm 2026 của chúng tôi). Tăng trưởng chủ yếu được thúc đẩy bởi doanh số OEM tăng, trong khi doanh thu FO ghi nhận mức tăng một chữ số trong bối cảnh TLG đang tái cấu trúc tại thị trường Philippines - một trong những thị trường chủ lực của FO. Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng của FO sẽ cải thiện trong 6 tháng cuối năm 2026 khi quá trình tái cấu trúc tiến triển và hoạt động phân phối dần ổn định.

- **Doanh thu trong nước** đạt 958 tỷ đồng trong quý 2/2026 (+3% YoY; +45% QoQ), qua đó nâng doanh thu trong nước 6T 2026 lên 1,6 nghìn tỷ đồng (+12% YoY; hoàn thành 49% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* Theo TLG, tăng trưởng doanh thu phản ánh sự phục hồi của nhu cầu thị trường chung, việc tiếp tục hỗ trợ hệ thống phân phối và hoạt động đầu tư liên tục vào thương hiệu cùng phát triển sản phẩm. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu và chi phí vận hành tăng cũng gây áp lực lên lợi nhuận. TLG ước tính chi phí đầu vào bình quân tăng khoảng 10%-15% từ đầu năm trong 6T 2026. Trước tình hình đó, TLG đã thực hiện 2 đợt tăng giá bán vào tháng 4 và tháng 6, với mức tăng bình quân 5%-7% mỗi đợt, qua đó phần nào giảm bớt áp lực chi phí đầu vào.

* Biên lợi nhuận gộp quý 2/2026 đạt 50,5% (-3,3 điểm % YoY; +2,3 điểm % QoQ), qua đó đưa biên lợi nhuận gộp 6T 2026 lên 49,5%, cao hơn đáng kể so với dự báo 48,2% của chúng tôi. Trong đó, biên lợi nhuận gộp xuất khẩu Q2 giảm còn 29,9% (-7,1 điểm % YoY; -6,5 điểm % QoQ). Do đó, lợi nhuận gộp xuất khẩu chỉ tăng 2% YoY, dù doanh thu xuất khẩu tăng 26%. Biên lợi nhuận gộp trong nước duy trì ổn định ở mức 59,0%, nhìn chung đi ngang YoY và tăng khoảng 4,8 điểm % QoQ.

* Chi phí SG&A/doanh thu giảm còn 31,3% (-1,4 điểm % YoY; -2,2 điểm % QoQ), đưa tỷ lệ này trong 6 tháng đầu năm 2026 về 32,2% so với dự báo 34,6% của chúng tôi.

* Thu nhập tài chính đạt 18 tỷ đồng (-6% YoY), trong khi chi phí tài chính tăng lên 15 tỷ đồng (+23% YoY), chủ yếu do chi phí lãi vay tăng 83% YoY. Trong 6 tháng đầu năm 2026, chi phí tài chính tăng lên 28 tỷ đồng (+61% YoY), trong khi thu nhập tài chính duy trì ổn định ở mức 28 tỷ đồng. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VCB: Lợi nhuận cao hơn đáng kể so với kỳ vọng nhờ NIM cải thiện và thu nhập ngoài lãi tăng mạnh - Báo cáo KQKD

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) đã công bố KQKD 6T 2026 với tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 47,6 nghìn tỷ đồng (1,81 tỷ USD; +35,3% YoY) và LNTT đạt 29,2 nghìn tỷ đồng (1,11 tỷ USD; +33,5% YoY), lần lượt hoàn thành 56% và 55% dự báo năm 2026 của chúng tôi. LNTT quý 2/2026 đạt mức ấn tượng 17,4 nghìn tỷ đồng (+47,6% QoQ; +57,9% YoY). Chúng tôi ước tính KQKD quý 2/2026 bao gồm khoản hoàn nhập (1,9 nghìn tỷ đồng) chi phí dự phòng liên quan đến một số trái phiếu doanh nghiệp đã được trích lập trong quý 4/2025. Lợi nhuận của ngân hàng cao hơn kỳ vọng của chúng tôi nhờ NIM và thu nhập ngoài lãi tích cực hơn dự kiến. Chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng đối với dự báo hiện tại của chúng tôi, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết. Như đã đề cập trong các báo cáo trước, việc tăng trưởng lợi nhuận của VCB tăng tốc trở lại ở mức hai chữ số sẽ giúp thúc đẩy phản ứng tích cực từ thị trường, trong bối cảnh kỳ vọng nhà đầu tư đang ở mức thấp. Bên cạnh đó, việc VCB chủ động hơn trong việc ghi nhận lợi nhuận là bước đi hoàn toàn hợp lý, nhất là khi ngân hàng đang đẩy mạnh lộ trình thực hiện kế hoạch phát hành riêng lẻ với tỷ lệ 6,5%.

* Tăng trưởng tín dụng 6T 2026 đạt 5,0%, thấp hơn mức tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống là 8,5%. Tăng trưởng tín dụng trong quý 2 chậm lại đáng kể, chỉ đạt 0,2%, so với 4,8% trong quý 1.

* Tiền gửi khách hàng trong 6T 2026 tăng 3,4%, tiếp tục thấp hơn tăng trưởng tín dụng. Tỷ lệ CASA trong quý 2/2026 đạt 33,9% (-0,3 điểm % QoQ; -3,0 điểm % YoY), nhưng vẫn thuộc nhóm cao nhất ngành.

* Thu nhập lãi thuần (NII) 6T 2026 của VCB tăng 32,1% YoY, nhờ NIM cải thiện mạnh và tăng trưởng tín dụng vững chắc. NIM 6T 2026 đạt 2,92% (+31 điểm cơ bản YoY), cao hơn dự báo cả năm của chúng tôi là 2,75%.

* Xét theo quý, NIM tiếp tục cải thiện lên mức 2,97% trong quý 2/2026 (+11 điểm cơ bản QoQ; +33 điểm cơ bản YoY), nhờ lợi suất tài sản sinh lãi tăng (+46 điểm cơ bản QoQ; +96 điểm cơ bản YoY). Tuy nhiên, tác động tích cực này bị bù trừ một phần bởi chi phí vốn tăng (+39 điểm cơ bản QoQ; +68 điểm cơ bản YoY).

* Chất lượng tài sản tiếp tục đứng đầu ngành, với tỷ lệ nợ xấu trong quý 2/2026 đạt 0,61% (-1 điểm cơ bản QoQ; -39 điểm cơ bản YoY), thấp hơn dự báo cuối năm 2026 của chúng tôi là 0,65%. Tỷ lệ nợ nhóm 2 đạt 0,25% trong quý 2/2026 (+2 điểm cơ bản QoQ; đi ngang YoY). VCB không xử lý rủi ro nợ xấu trong 6T 2026.

* Chi phí tín dụng quy năm trong 6T 2026 đạt 0,35%, so với 0,21% trong 6T 2025. Chúng tôi lưu ý rằng chi phí tín dụng 6T 2026 bao gồm khoản hoàn nhập dự phòng (ước tính 1,9 nghìn tỷ đồng) liên quan đến một số trái phiếu doanh nghiệp đã được trích lập trong quý 4/2025. Trong khi đó, chi phí tín dụng 6T 2025 bao gồm khoản hoàn nhập (1,0 nghìn tỷ đồng) chi phí dự phòng đối với các khoản cho vay liên ngân hàng. Ngoài ra, tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) của VCB trong quý 2/2026 đã cải thiện lên mức 279% (từ mức 253% trong quý trước), qua đó tiếp tục chiếm vị trí đứng đầu ngành.

* Thu nhập ngoài lãi (NOII) 6T 2026 đạt 10,8 nghìn tỷ đồng (+47,7% YoY), hoàn thành 76% dự báo cả năm của chúng tôi. Thu nhập khác ròng tăng mạnh 170,7% YoY, đạt 4,9 nghìn tỷ đồng, nhiều khả năng nhờ thu nhập từ thu hồi nợ xấu tăng mạnh. Trong khi đó, lãi từ kinh doanh ngoại hối và thu nhập phí dịch vụ lần lượt tăng 4,7% và 8,2% YoY lên mức 3,8 nghìn tỷ đồng và 1,8 nghìn tỷ đồng.

* Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) trong 6T 2026 giảm 1,0 điểm % YoY, còn 32,2%, thấp hơn dự báo cả năm của chúng tôi là 34,0%. Kết quả này là do TOI ghi nhận mức tăng 35,3% YoY (cao hơn mức tăng 31,3% YoY của chi phí HDKD). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VHC: Lợi nhuận quý 2 chịu áp lực do thu nhập tài chính ròng giảm và hoàn nhập dự phòng thu hẹp - Báo cáo KQKD

* VHC đã công bố KQKD quý 2 với doanh thu quý 2 tăng 8% YoY lên mức 3,4 nghìn tỷ đồng, trong khi LNST sau lợi ích CĐTS giảm 9% YoY xuống mức 469 tỷ đồng. Doanh số tại Mỹ (+8% YoY) và châu Âu (+15% YoY) ghi nhận đà tăng trưởng tích cực, qua đó mang lại sự hỗ trợ cho doanh thu. Tuy nhiên, việc thu nhập tài chính ròng giảm mạnh và mức hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho thấp hơn so với cùng kỳ năm trước đã gây áp lực lên lợi nhuận ròng. Xét theo sản phẩm, doanh thu phi lê đông lạnh & các sản phẩm liên quan đã tăng 9% YoY, trong khi các sản phẩm từ gạo vẫn duy trì mức tăng trưởng tích cực 18% YoY. Ngược lại, doanh thu mảng collagen & gelatin (C&G) giảm 26% YoY sau khi các đơn hàng được đẩy mạnh trong quý 1.

* Biên lợi nhuận gộp quý 2 tăng 0,8 điểm % YoY lên mức 20,6%, mặc dù giá trị hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho ghi nhận mức giảm 54% YoY. Nếu loại trừ các khoản hoàn nhập dự phòng này, lợi nhuận gộp sẽ tăng 38,2% YoY và biên lợi nhuận gộp cốt lõi tăng 4,0 điểm % YoY (đạt 18,2%, so với 14,2% trong quý 2/2025). Chúng tôi cho rằng kết quả này chủ yếu đến từ mức tăng 7% YoY của giá bán trung bình trong 6T 2026 và việc doanh thu tại hai thị trường chiến lược là Mỹ và EU tiếp tục duy trì tăng trưởng tích cực, qua đó bù đắp cho sự gia tăng của chi phí đầu vào. Tuy nhiên, biên LNST sau lợi ích CĐTS đã giảm 2,5 điểm % YoY do thu nhập tài chính ròng giảm 84% YoY. Nguyên nhân là do thu nhập tỷ giá ròng giảm 83% YoY, trong khi chi phí lãi vay tăng mạnh 108% YoY, và cộng hưởng cùng mức nền so sánh cao của đợt hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán trong cùng kỳ năm ngoái.

* Trong 6T 2026, doanh thu thuần tăng 10% YoY lên mức 4 nghìn tỷ đồng, nhờ doanh thu tại Mỹ (+20% YoY), châu Âu (+5% YoY) và các thị trường khác (+23% YoY) đều ghi nhận tăng trưởng. LNST sau lợi ích CĐTS tăng 4% YoY lên mức 735 tỷ đồng. Doanh thu và LNST sau lợi ích CĐTS lần lượt hoàn thành 49% và 52% dự báo cả năm của chúng tôi, nhìn chung phù hợp với kỳ vọng.

* Chúng tôi hiện có khuyến nghị KHẢ QUAN đối với VHC, với giá mục tiêu là 58.600 đồng/cổ phiếu. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VHM: Giao dịch bán lô lớn thúc đẩy KQKD 6T 2026, với LNST sau lợi ích CĐTS và doanh số bán BĐS hoàn thành lần lượt 88% và 52% dự báo cả năm - Báo cáo Gặp gỡ NĐT & KQKD

* CTCP Vinhomes (VHM) ghi nhận LNST sau lợi ích CĐTS quý 2/2026 đạt 22,6 nghìn tỷ đồng (-12% QoQ nhưng tăng gấp 3 lần YoY), chủ yếu được hỗ trợ bởi việc ghi nhận doanh thu bán lô lớn tại dự án Green Paradise, và bán giao tại Ocean Park 3 và Green City. Doanh thu BĐS cốt lõi (bao gồm hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) và các giao dịch bán lô lớn được ghi nhận vào doanh thu tài chính) trong quý 2/2026 đạt 50,8 nghìn tỷ đồng (-17% QoQ nhưng tăng gấp 3 lần YoY).

* Trong 6T 2026, LNST sau lợi ích CĐTS tăng gấp 4,7 lần YoY đạt 48,1 nghìn tỷ đồng, với các giao dịch bán lô lớn đóng góp khoảng 70% lợi nhuận 6T 2026. Mặc dù kết quả này đã hoàn thành 88% dự báo năm 2026, chúng tôi dự kiến không có thay đổi đáng kể đối với dự báo lợi nhuận, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Biên lợi nhuận gộp BĐS cốt lõi cải thiện lên mức 74,9% trong quý 2/2026 (so với mức 54,1% trong quý 1/2026 và 35,1% trong quý 2/2025), nhờ tỷ trọng đóng góp cao hơn từ các giao dịch bán lô lớn. Biên lợi nhuận gộp BĐS cốt lõi 6T 2026 đạt 63,5% (so với 35,7% trong 6T 2025).

* Doanh số bán BĐS quý 2/2026 đạt 66,4 nghìn tỷ đồng (-19% QoQ nhưng tăng gấp 2 lần YoY; trong đó các giao dịch bán lô lớn đóng góp khoảng 73%), chủ yếu đến từ Global Gate Hạ Long và Saigon Park. Cả hai dự án này cũng đã bắt đầu mở bán lẻ lần lượt trong tháng 5 và tháng 6/2026.

* Doanh số bán BĐS 6T 2026 tăng 119% YoY đạt 148 nghìn tỷ đồng, trong đó các giao dịch bán lô lớn đóng góp 81% tổng doanh số bán BĐS. Xét theo dự án, Green Paradise đóng góp khoảng 40%, Saigon Park đóng góp khoảng 25% và Global Gate Hạ Long đóng góp khoảng 18%.

* Do doanh số bán BĐS 6T 2026 đã hoàn thành 52% dự báo năm 2026, chúng tôi dự kiến không có thay đổi đáng kể đối với dự báo hiện tại, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* **Kế hoạch doanh số bán BĐS nửa cuối năm 2026:** Ban lãnh đạo kỳ vọng doanh số bán BĐS nửa cuối năm 2026 sẽ được thúc đẩy bởi các giai đoạn mở bán tiếp theo tại Green Paradise, Global Gate Hạ Long, Saigon Park và Hải Vân Bay, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi và kế hoạch trước đó của công ty.

* **Giá trị hợp đồng đã bán chưa ghi nhận của VHM vào cuối quý 2/2026 đạt 196,8 nghìn tỷ đồng (+42% YoY)**, trong đó các giao dịch bán lô lớn chiếm khoảng 42%.

* **Tham gia các dự án hạ tầng:** VHM dự kiến tham gia một số dự án hạ tầng chiến lược, thông qua dạng BOO và BT, cũng như EPC. Các dự án này bao gồm tuyến đường sắt tốc độ cao Bến Thành-Cần Giờ và Hà Nội-Quảng Ninh, tuyến đường vượt biển Cần Giờ-Vũng Tàu, cùng năm tuyến metro tại Hà Nội. Ban lãnh đạo kỳ vọng các dự án này có thể cải thiện kết nối hạ tầng và hỗ trợ gia tăng giá trị dài hạn cho các khu đô thị của VHM (như Green Paradise, Global Gate Hạ Long và Global Sportia). Chúng tôi hiện chưa phản ánh tác động tiềm năng của việc tham gia các dự án hạ tầng này trong báo cáo VHM mới nhất. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VJC: Giảm đoạn tại Trung Đông và chi phí nhiên liệu ở mức cao ảnh hưởng đến lợi nhuận cốt lõi quý 2; giao dịch SALB & ROFR hỗ trợ doanh thu báo cáo - Báo cáo KQKD

* CTCP Hàng không Vietjet (VJC) công bố doanh thu quý 2/2026 đạt 30,5 nghìn tỷ đồng (+71% YoY; +45% QoQ), trong khi LNST sau lợi ích CĐTS giảm còn 334 tỷ đồng (-49% YoY; -67% QoQ). Theo đó, doanh thu 6T 2026 đạt 51,5 nghìn tỷ đồng (+44% YoY; hoàn thành 44% dự báo năm 2026 của chúng tôi) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 1,35 nghìn tỷ đồng (+4% YoY; hoàn thành 27% dự báo năm 2026 của chúng tôi). Chúng tôi đang xem xét lại các dự báo đối với VJC, và thực hiện thêm các đánh giá chi tiết.

- * Tăng trưởng doanh thu báo cáo trong quý 2 chủ yếu được thúc đẩy bởi các giao dịch SALB & ROFR, đạt 12,2 nghìn tỷ đồng, tương đương 28,3 lần mức của quý 2/2025 và 9,2 lần mức của quý 1/2026.
- * Doanh thu vận tải quý 2 đạt 17,3 nghìn tỷ đồng (+6% YoY; -8% QoQ). Doanh thu hành khách quốc tế tăng lên 4,3 nghìn tỷ đồng (+41% YoY; -32% QoQ), là động lực tăng trưởng chính của doanh thu hành khách, trong khi doanh thu hành khách nội địa nhìn chung ổn định ở mức 4,9 nghìn tỷ đồng (+1% YoY; +11% QoQ). Trong khi đó, doanh thu phụ trợ giảm còn 5,4 nghìn tỷ đồng (-22% YoY; -14% QoQ). Giá nhiên liệu bay ở mức cao trong bối cảnh căng thẳng tại Trung Đông là nguyên nhân chính gây áp lực lên HĐKD, song song với việc gián đoạn không phận khu vực và yêu cầu điều chỉnh đường bay, qua đó làm tăng chi phí vận hành.
- * VJC đã vận chuyển hơn 6,2 triệu lượt hành khách trên gần 33.000 chuyến bay trong quý 2/2026. Trong 6T 2026, hãng đã vận chuyển hơn 13,4 triệu lượt hành khách trên gần 72.000 chuyến bay.
- * Trong 6T 2026, thu nhập tài chính đạt 1,5 nghìn tỷ đồng (+17% YoY; hoàn thành 187% dự báo cả năm của chúng tôi), trong khi chi phí tài chính giảm còn 2,5 nghìn tỷ đồng (-4% YoY; hoàn thành 133% dự báo cả năm của chúng tôi).
- * Dòng tiền từ HĐKD trong 6T 2026 tăng lên 993 tỷ đồng từ mức 470 tỷ đồng trong 6T 2025. Mức cải thiện chủ yếu nhờ diễn biến thuận lợi của các khoản phải trả và các khoản mục vốn lưu động, qua đó bù đắp hơn dòng tiền chi ra từ việc các khoản phải thu tăng, tích trữ hàng tồn kho và chi phí trả trước. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Tóm tắt báo cáo trong ngày

VHC: Lợi thế cạnh tranh được củng cố trong bối cảnh khó khăn chung của ngành - Cập nhật

Ngành	Nông nghiệp		2025	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	30/07/2026	TT Doanh thu	-3,9%	9,5%	5,0%	5,0%
Giá hiện tại	54.100 VND	TT EPS	15,7%	7,3%	9,1%	7,6%
Giá mục tiêu	58.600 VND	Biên LN gộp	17,0%	15,5%	16,0%	16,3%
Giá mục tiêu gần nhất	71.600 VND	Biên LN ròng	11,8%	10,8%	11,2%	11,5%
TL tăng	+8,3%	EV/EBITDA	6,1x	5,9x	5,4x	5,0x
Lợi suất cổ tức	5,5%	P/E	8,7x	8,4x	7,5x	6,9x
Tổng mức sinh lời	+13,9%	P/B	1,3x	1,2x	1,1x	1,0x
GT vốn hóa	11,3 nghìn tỷ đồng			VHC	VNI	
Room KN	9,2 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)		8,3x	14,0x	
GTGD/ngày (30n)	10,5 tỷ đồng	P/B (hiện tại)		1,2x	1,9x	
Cổ phần Nhà nước	0,00%	ROE		15,5%	15,1%	
SL cổ phiếu lưu hành	209,5tr	ROA		11,1%	2,3%	
Pha loãng	209,5tr					

- * Chúng tôi điều chỉnh khuyến nghị cho CTCP Vĩnh Hoàn (VHC) từ MUA xuống KHẢ QUAN, đồng thời giảm 18% giá mục tiêu xuống 58.600 đồng/cổ phiếu, phản ánh việc điều chỉnh giảm dự báo lợi nhuận. Chúng tôi cũng tăng WACC được sử dụng trong phương pháp định giá chiết khấu dòng tiền bằng cách nâng giả định lãi suất phi rủi ro. Tác động này được bù đắp một phần nhờ việc chúng tôi cập nhật mô hình định giá sang giữa năm 2027.
- * Chúng tôi điều chỉnh giảm dự báo LNST sau lợi ích CBTS các năm trong giai đoạn 2026-30 lần lượt 20%/27%/20%/31%/32%. Mặc dù vậy, các dự báo mới của chúng tôi vẫn cho thấy CAGR LNST sau lợi ích CBTS cốt lõi đạt 8%, nhờ sản lượng màng phi lê đông lạnh tăng trưởng 7% trong giai đoạn 2026-30, được hỗ trợ bởi nhu cầu duy trì tích cực tại thị trường Mỹ và EU nhờ lợi thế về giá của cá tra so với các loại cá thịt trắng khác. Ngoài ra, giá mục tiêu của chúng tôi tương ứng với P/E dự phóng các năm 2026/27 ở mức hợp lý là 9,1 lần/8,1 lần.

* Tại mức giá hiện tại, VHC đang giao dịch ở mức P/E trượt là 8,3 lần, tương ứng mức chiết khấu 22% so với P/E trượt trung bình 5 năm là 10,7 lần. Chúng tôi cũng dự phóng cổ tức bằng tiền mặt cho năm tài chính 2026 đạt 3.000 đồng/cổ phiếu (lợi suất cổ tức 5,5%), tăng so với mức lịch sử là 2.000 đồng/cổ phiếu. Bên cạnh đó, VHC đã hoàn tất đợt mua lại 15 triệu cổ phiếu, giảm 6,7% số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 224,5 triệu xuống 209,5 triệu cổ phiếu, qua đó hỗ trợ thêm cho tăng trưởng EPS.

* Theo kết quả rà soát sơ bộ POR 21 của Bộ Thương mại Mỹ (DOC), các đối thủ cạnh tranh chính của VHC đã bị áp trở lại thuế chống bán phá giá (0,07–0,29 USD/kg đối với các công ty có thuế suất riêng rẽ; 2,39 USD/kg đối với toàn Việt Nam) so với mức 0% trong kỳ POR 20, trong khi VHC vẫn duy trì mức thuế chống bán phá giá 0% sau khi được bãi bỏ vào năm 2025. Điều này tiếp tục củng cố vị thế cạnh tranh của VHC tại thị trường Mỹ.

* Rủi ro: Giá bán trung bình và nhu cầu tiêu thụ cá tra toàn cầu thấp hơn dự kiến.

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GTVH tr USD	GTGD/ 30N trUSD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2025	P/E 2026	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
STK	Dệt may	83%	52	0.0	8,800	25,500	190%	0.0%	190%	KQ	17/01/25	24.9	5.9	11.6	0.8
KDH	Bất động sản	25%	746	3.8	17,500	42,600	143%	0.0%	143%	MUA	11/05/26	19.8	13.0	17.5	1.1
NLG	Bất động sản	9%	397	1.7	21,550	45,800	113%	2.3%	115%	MUA	11/05/26	12.5	15.3	17.5	0.8
GEX	Điện & Nước	44%	1,099	14.2	22,100	40,500	83%	2.3%	86%	MUA	06/07/26	19.7	19.6	11.1	1.5
HDC	Bất động sản	48%	101	0.7	11,600	21,400	84%	0.0%	84%	KQ	09/01/26	4.2	8.6	17.5	0.9
VGC	KCN	48%	643	0.6	37,750	66,800	77%	5.8%	83%	MUA	11/05/26	12.7	10.6	12.5	2.0
DPG	Điện & Nước	30%	127	0.6	28,100	48,900	74%	2.1%	76%	MUA	11/06/26	8.7	9.1	12.5	1.1
BMI	Bảo hiểm	23%	77	0.1	13,400	23,100	72%	3.7%	76%	MUA	12/04/24	8.9	5.3	14.3	0.7
PVT	Dầu khí	36%	356	2.1	18,150	30,800	70%	5.5%	75%	MUA	13/03/26	8.6	5.9	11.1	1.0
HDG	Điện & Nước	34%	255	1.4	16,500	28,700	74%	0.0%	74%	MUA	16/07/26	9.8	12.3	17.5	1.0
PVS	Dầu khí	33%	676	4.1	34,800	60,000	72%	0.0%	72%	MUA	08/05/26	12.2	12.0	14.4	1.2
IDC	KCN	34%	515	1.8	32,500	52,700	62%	9.2%	71%	MUA	04/06/26	7.1	6.9	17.5	2.0
DCM	Phân bón	43%	628	2.7	31,250	51,000	63%	8.0%	71%	MUA	25/05/26	9.2	5.7	11.6	1.4
PLC	Dầu khí	49%	59	0.1	19,300	31,900	65%	5.2%	70%	MUA	12/09/25	114.9	6.2	11.6	1.3
HVN	Hàng không	21%	2,577	1.3	21,800	37,100	70%	0.0%	70%	KQ	22/07/25	9.3	7.8	20.8	6.6
HPG	VLXD	27%	6,992	20.5	21,800	35,400	62%	2.1%	64%	MUA	12/05/26	12.2	7.2	13.9	1.3
CTG	Ngân hàng	5%	8,984	10.9	30,450	50,000	64%	0.0%	64%	MUA	15/05/26	7.8	6.7	11.5	1.3
MBB	Ngân hàng	1%	6,885	13.7	22,500	36,000	60%	2.2%	62%	MUA	21/05/26	6.8	5.6	11.5	1.3
PTB	Công nghiệp	10%	127	0.1	33,400	52,000	56%	6.3%	62%	KQ	06/10/25	4.5	5.8	13.9	1.0
DXG	Bất động sản	32%	511	4.8	10,600	17,000	60%	0.0%	60%	MUA	12/06/26	54.8	57.4	17.5	0.9
FRT	Bán lẻ	17%	790	1.8	116,300	180,100	55%	0.0%	55%	MUA	17/06/26	24.9	17.3	10.0	4.3
VPB	Ngân hàng	7%	7,535	18.0	25,000	38,000	52%	2.0%	54%	MUA	18/05/26	8.3	6.4	11.5	1.1
VTP	GTVT	45%	360	0.9	47,000	71,800	53%	0.0%	53%	PHTT	25/05/26	19.6	23.4	11.1	5.4
TCB	Ngân hàng	1%	7,887	17.7	29,300	42,600	45%	4.8%	50%	MUA	11/05/26	8.2	7.1	11.5	1.2
REE	Điện & Nước	0%	1,072	1.2	45,300	66,900	48%	2.2%	50%	MUA	22/04/26	11.2	9.8	11.1	1.3
PNJ	Bán lẻ	7%	632	14.1	32,500	46,500	43%	6.2%	49%	PHTT	12/07/26	6.3	5.7	8.7	1.2
MSN	Bán lẻ	76%	3,767	12.3	67,900	101,200	49%	0.0%	49%	MUA	21/05/25	23.9	23.1	11.1	2.5

DXS	Bất động sản	43%	130	0.4	5,930	8,800	48%	0.0%	48%	KQ	11/06/26	10.1	8.7	17.5	0.5
ACG	Gỗ	12%	184	0.0	32,050	45,800	43%	5.3%	48%	MUA	15/07/25	10.1	8.0	13.9	1.1
KBC	KCN	42%	1,004	3.6	28,050	40,400	44%	3.6%	48%	MUA	01/06/26	12.6	10.9	17.5	1.1
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2,115	1.0	43,400	59,000	36%	11.5%	47%	MUA	06/01/26	13.0	12.4	12.2	2.8
PHR	Công nghiệp	37%	294	0.8	57,200	82,700	45%	2.3%	47%	MUA	15/07/26	17.6	4.9	11.6	1.8
NT2	Điện & Nước	38%	230	0.4	21,050	28,800	37%	9.5%	46%	MUA	28/05/26	5.6	6.7	11.8	1.1
MWG	Bán lẻ	0%	3,913	15.7	69,800	101,000	45%	1.4%	46%	MUA	14/10/25	14.5	12.3	10.0	2.9
VRE	Bất động sản	38%	2,098	4.4	24,300	34,200	41%	4.1%	45%	PHTT	29/05/26	8.6	10.0	17.5	1.1
SZC	KCN	19%	123	0.3	17,950	24,700	38%	5.6%	43%	KQ	01/07/26	10.2	24.7	17.5	1.1
NVL	Bất động sản	44%	1,186	7.4	13,000	18,600	43%	0.0%	43%	MUA	18/06/26	16.1	21.0	17.5	0.7
QTP	Điện & Nước	-1%	191	0.1	11,200	14,600	30%	8.9%	39%	MUA	10/12/25	4.9	7.6	11.8	0.9
VCB	Ngân hàng	10%	17,934	8.9	56,500	78,500	39%	0.0%	39%	MUA	18/05/26	14.5	12.2	11.5	2.0
CTR	CNTT	44%	346	0.7	71,000	96,800	36%	2.1%	38%	KQ	14/04/26	13.5	11.6	12.5	4.1
FPT	CNTT	22%	4,363	22.7	67,000	90,300	35%	3.4%	38%	MUA	08/06/26	12.9	11.3	13.9	2.9
TLG	Văn phòng phẩm	89%	176	0.2	48,000	61,900	29%	7.3%	36%	MUA	12/09/25	10.3	7.8	8.7	1.8
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	81%	430	0.5	54,100	71,600	32%	3.7%	36%	MUA	26/01/26	8.9	6.9	12.2	1.2
DGC	Công nghiệp	45%	563	1.2	39,050	52,100	33%	2.6%	36%	KQ	20/07/26	5.2	7.8	11.6	0.9
SSI	Chứng khoán	70%	2,280	21.5	24,000	31,600	32%	4.2%	36%	MUA	16/07/26	14.0	15.4	15.9	1.5
AST	DV Hàng không	3%	127	0.0	62,000	80,600	30%	5.6%	36%	MUA	26/08/25	11.2	10.8	10.0	4.9
BID	Ngân hàng	12%	10,302	5.6	37,250	50,500	36%	0.0%	36%	MUA	21/05/26	9.8	9.1	11.5	1.5
GAS	Dầu khí	47%	6,297	3.5	68,700	90,000	31%	4.4%	35%	MUA	29/07/26	15.3	13.0	11.8	2.4
F88	Tài chính TT	42%	608	0.4	72,400	98,000	35%	0.0%	35%	MUA	25/06/26	22.2	13.6	15.9	5.3
BVH	Bảo hiểm	22%	1,723	0.8	61,100	81,000	33%	1.7%	34%	MUA	11/06/26	16.3	12.3	14.3	1.8
TV2	Điện & Nước	8%	66	0.2	25,550	33,000	29%	3.9%	33%	KQ	13/07/26	29.0	19.8	11.1	1.4
TPB	Ngân hàng	8%	1,517	6.9	14,400	18,600	29%	3.5%	33%	MUA	20/05/26	5.4	5.1	11.5	0.9
POW	Điện & Nước	45%	1,597	7.2	13,700	18,000	31%	0.0%	31%	MUA	29/05/26	17.6	14.6	11.8	1.1
MCH	Bán lẻ	84%	7,097	8.2	142,900	181,700	27%	4.2%	31%	PHTT	28/11/25	27.7	24.2	12.2	10.0
SCS	DV Hàng không	22%	158	0.2	43,400	51,200	18%	12.7%	31%	PHTT	13/01/26	5.5	5.9	20.8	2.7
HDB	Ngân hàng	5%	4,887	16.2	25,700	33,000	28%	1.9%	30%	MUA	06/03/26	7.1	6.1	11.5	1.6

PPC	Điện & Nước	45%	108	0.0	8,840	11,000	24%	5.7%	30%	KQ	10/12/25	17.4	8.8	11.8	0.6
SIP	KCN	47%	443	0.2	48,200	58,900	22%	6.2%	28%	MUA	20/07/26	9.4	9.4	17.5	2.1
GMD	GTVT	9%	1,238	5.8	76,400	95,500	25%	3.3%	28%	MUA	25/05/26	20.7	13.5	11.1	2.4
PVD	Dầu khí	41%	666	9.2	18,900	24,150	28%	0.0%	28%	MUA	09/04/26	11.7	15.7	14.4	1.0
DGW	Bán lẻ	25%	307	0.9	36,500	45,400	24%	2.7%	27%	KQ	18/06/26	14.7	12.6	10.0	2.2
DPM	Phân bón	47%	606	2.9	23,450	28,000	19%	6.4%	26%	PHTT	25/05/26	17.9	9.8	11.6	1.4
DHC	Công nghiệp	16%	133	0.4	32,950	40,100	22%	3.9%	26%	MUA	16/12/25	8.1	7.9	13.9	1.5
VIB	Ngân hàng	2%	1,907	6.5	14,750	18,500	25%	0.0%	25%	KQ	23/05/25	6.9	5.6	11.5	1.1
PLX	Xăng dầu	6%	1,634	2.6	33,850	41,100	21%	3.5%	25%	MUA	13/10/25	17.6	14.7	14.4	1.7
ACB	Ngân hàng	6%	4,928	14.8	22,350	27,100	21%	3.1%	24%	MUA	21/05/26	7.4	6.5	11.5	1.3
BWE	Điện & Nước	47%	411	0.7	43,000	51,600	20%	3.0%	23%	MUA	13/05/26	11.1	11.9	11.8	1.8
ACV	Hàng không	47%	5,330	0.8	39,500	48,000	22%	0.0%	22%	PHTT	18/05/26	12.6	12.5	11.1	1.9
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	51%	4,859	10.6	61,200	70,300	15%	6.5%	21%	MUA	24/04/25	13.6	14.6	12.2	3.9
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	662	0.3	47,400	53,400	13%	8.4%	21%	KQ	30/08/24	9.1	6.8	12.2	1.6
BMP	VLXD	17%	461	0.9	148,100	163,000	10%	10.5%	21%	MUA	17/06/26	10.0	9.5	12.5	4.3
NKG	VLXD	45%	208	0.7	11,100	13,100	18%	0.0%	18%	PHTT	18/04/25	25.2	8.6	13.9	0.7
GVR	Công nghiệp	12%	4,186	1.7	27,550	32,100	17%	1.5%	18%	PHTT	20/07/26	20.7	16.1	11.6	1.8
PC1	Điện & Nước	41%	338	3.1	21,650	24,700	14%	0.0%	14%	KQ	21/07/26	9.6	14.7	12.5	1.3
VHM	Bất động sản	43%	23,077	28.8	147,900	153,700	4%	4.1%	8%	PHTT	29/05/26	14.5	11.1	17.5	2.3
BSR	Lọc hóa dầu	48%	4,889	9.1	25,700	27,000	5%	2.7%	8%	PHTT	18/03/26	24.8	7.9	14.4	1.9
TDM	Điện & Nước	49%	274	0.3	59,100	60,600	3%	2.2%	5%	KQ	13/05/26	34.0	32.9	11.8	2.8
VEA	Ô-tô	48%	1,718	0.3	34,200	30,800	-10%	14.1%	4%	PHTT	28/10/25	6.2	6.4	11.1	1.6
STB	Ngân hàng	19%	5,128	11.6	71,600	73,500	3%	0.0%	3%	PHTT	18/05/26	25.1	22.6	11.5	2.2
HSG	VLXD	46%	334	1.3	10,900	10,400	-5%	4.6%	0%	PHTT	18/04/25	14.0	15.0	13.9	0.7
OIL	Dầu khí	6%	522	1.0	13,400	12,700	-5%	0.7%	-4%	KQ	17/10/25	32.7	29.6	14.4	1.2
VJC	Hàng không	24%	3,629	15.2	124,200	114,000	-8%	0.0%	-8%	KQ	15/03/24	34.6	13.9	20.8	3.6
LPB	Ngân hàng	4%	5,969	19.0	52,600	39,300	-25%	1.9%	-23%	KKQ	18/11/25	13.9	14.5	11.5	3.7
VIC	Bất động sản	45%	64,872	37.1	220,000	110,000	-50%	0.0%	-50%	BÁN	12/06/26	144.8	62.3	17.5	11.5

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT: PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	51	126.132	2.473	20	13,4	10,6	9,0	15,2	1,5	19,7	15,1	11,5	1,8	3,4%
KHẢ QUAN	17	11.831	696	2	10,4	11,4	9,3	14,3	1,9	19,3	15,9	13,3	1,9	2,4%
PHÙ HỢP TT	14	55.821	3.987	3	18,7	15,5	12,0	17,2	2,2	24,3	16,3	12,8	2,5	4,3%
KÉM KHẢ QUAN	1	5.969	5.969	0	17,0	13,9	14,5	10,4	3,7	17,0	13,9	14,5	3,7	1,9%
BÁN	1	64.872	64.872	1	137,5	144,8	62,3	72,4	11,5	137,5	144,8	62,3	11,5	0,0%
TỔNG CỘNG	84	264.625	3.150	26	18,5	15,2	12,3	16,9	2,2	21,8	17,0	12,7	2,1	3,3%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	83.864	6.989	11	11,0	9,5	8,2	12,8	1,5	10,8	10,1	9,0	1,6	1,6%
Bảo hiểm	2	1.800	900	1	20,7	15,8	11,6	21,2	1,7	15,6	12,6	8,8	1,2	2,7%
Chứng khoán	1	2.280	2.280	1	19,2	14,0	15,4	18,5	1,5	19,2	14,0	15,4	1,5	4,2%
Tài chính thay thế	1	608	608	0	45,4	22,2	13,6	30,0	5,3	45,4	22,2	13,6	5,3	0,0%
Tiêu dùng	13	26.811	2.062	4	17,2	14,9	13,8	19,4	3,2	20,5	14,4	12,4	3,1	5,2%
CNTT	1	4.363	4.363	1	15,7	12,9	11,3	17,4	2,9	15,7	12,9	11,3	2,9	3,4%
Bất động sản	9	93.118	10.346	2	59,1	37,6	26,5	26,2	4,4	34,6	31,7	23,0	2,2	1,2%
Vật liệu	4	7.994	1.999	1	15,4	12,2	7,5	19,0	1,3	13,5	15,3	10,1	1,8	4,3%
Điện & Nước	12	5.766	481	1	19,8	12,8	12,8	18,4	1,2	25,4	14,9	14,0	1,3	3,3%
Dầu khí	10	16.334	1.633	2	22,8	16,8	10,4	20,9	1,8	33,5	26,5	12,0	1,4	3,6%
Công nghiệp	5	1.059	212	0	6,9	6,1	7,4	8,8	1,0	11,1	10,6	7,1	1,1	3,6%
Khu công nghiệp	7	7.209	1.030	1	20,5	15,0	12,0	19,6	1,7	21,1	12,9	11,9	1,7	4,9%
GTVT & Logistics	7	13.419	1.917	1	13,0	14,5	11,6	18,0	2,8	16,2	16,2	12,6	3,9	3,1%
TỔNG CỘNG	84	264.625	3.150	26	18,5	15,2	12,3	16,9	2,2	21,8	17,0	12,7	2,1	3,3%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap

*FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q2 2026 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS 6T 2026 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2026F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB	1%	14%	MUA		KQKD 6T 2026 khả quan, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi; mảng cho vay khách hàng cá nhân & SME và NIM cải thiện đáng kể
BID		8%	KQ		
CTG		17%	MUA		
HDB		17%	KQ		
LPB	-3%	-4%	KKQ		KQKD kém hơn kỳ vọng do chi phí hoạt động và chi phí tín dụng tăng mạnh tiếp tục gây áp lực lên đà tăng trưởng lợi nhuận trong quý 2
MBB		20%	MUA		
STB		11%	PHTT		
TCB	15%	15%	MUA		KQKD của ngân hàng vượt kỳ vọng của chúng tôi, đặc biệt là về tăng trưởng tín dụng. Các chỉ tiêu chính khác bao gồm thu nhập từ phí, NIM và chất lượng tài sản đều có xu hướng tích cực.
TPB		5%	MUA		
VCB		19%	MUA		
VIB	7%	22%	KQ		Tín dụng tiếp tục tăng trưởng yếu gây áp lực lên lợi nhuận
VPB	66%	29%	MUA		
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI		68%	MUA		ROE đạt mức cao mới trong 6T 2026; kết quả kinh doanh phù hợp với kỳ vọng
BVH		33%	MUA		
SSI		-7%	MUA		
F88	109%	62%	MUA		
Tiêu dùng					
CTR		17%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS quý 2/2026 tăng mạnh 167% YoY nhờ doanh thu khả quan của mảng máy tính xách tay và thiết bị văn phòng, biên lợi nhuận gộp cải thiện
DGW	130%	17%	KQ		
FPT	15%	14%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 2/2026 tăng 14% YoY, nhìn chung phù hợp với dự báo; doanh thu kỳ mới mảng CNTT nước ngoài phục hồi từ mức nền thấp
FRT	119%	44%	MUA		
MSN (2)		42%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 2/2026 tăng mạnh 188% YoY, nhờ lợi nhuận của Long Châu tăng trưởng tích cực
MCH		15%	PHTT		
MWG		18%	MUA		
PNJ		11%	PHTT		
QNS		33%	KQ		
SAB		5%	MUA		

TLG		20%	MUA	
VEA		-1%	PHTT	
VHC		25%	MUA	
VNM		6%	MUA	
GTVT & Logistics				
ACV		3%	PHTT	
AST		6%	MUA	
GMD (2)		30%	BUY	
HVN		19%	PHTT	
SCS		-6%	PHTT	
VJC		N.A	KQ	
VTP		-16%	PHTT	
Bất động sản				
DXG		-4%	MUA	
DXS		15%	KQ	
HDC	41%	-51%	KQ	LNST sau lợi ích CĐTS quý 2/2026 được hỗ trợ bởi khoản thu nhập khác; đã nhận đủ số tiền từ việc chuyển nhượng dự án Đại Dương
NVL		-23%	MUA	
KDH	218%	52%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS nửa đầu năm 2026 tăng mạnh 221% YoY nhờ khoản lãi thoái vốn bất thường
NLG		-18%	MUA	
VHM		31%	PHTT	
VIC		132%	BÁN	
VRE	33%	-14%	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTS nửa đầu năm 2026 tăng mạnh 33% YoY, phù hợp với kỳ vọng
Khu công nghiệp				
GVR		15%	KQ	
IDC		3%	MUA	
KBC		15%	MUA	
PHR		118%	MUA	
SIP		6%	MUA	
SZC	-86%	-59%	KQ	Lợi nhuận nửa đầu năm 2026 sụt giảm mạnh so với cùng kỳ do thay đổi phương pháp ghi nhận doanh thu, trong khi doanh số cho thuê đất KCN phục hồi mạnh
Vật liệu & Công nghiệp				
ACG		26%	MUA	
BMP		5%	MUA	
DGC		-33%	MUA	KQ
DHC		3%	MUA	
HPG		68%	MUA	
HSG (1)		-5%	PHTT	
NKG		202%	PHTT	
PTB		-19%	KQ	
STK		231%	KQ	
Điện & Nước				

BWE (2)	8%	-8%	MUA	Lợi nhuận mảng nước tích cực trong nửa đầu năm bù đắp cho mức lợi nhuận giảm từ các mảng khác
GEX	-19%	1%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 giảm so với cùng kỳ do chi phí lãi vay cao dù lợi nhuận của GEE/VGC tăng mạnh; không có thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026
HDG		22%	KQ	
NT2	61%	-16%	MUA	Sản lượng điện thương phẩm tăng mạnh 57% YoY thúc đẩy tăng trưởng LNST; tiềm năng điều chỉnh tăng
PC1		N/A	N/A	
POW		20%	MUA	
PPC		99%	KQ	
QTP		-35%	MUA	
REE		17%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 hoàn thành 64% dự báo cả năm, phù hợp kỳ vọng. LNST 6T 2026 tăng gấp 3 lần YoY, khoản trả trước lớn từ khách hàng hỗ trợ doanh thu EPC, tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo
TDM (2)	-47%	0%	KQ	
TV2	370%	46%	KQ	
DPG		-4%	MUA	
VGC	3%	12%	MUA	LNST quý 2 tăng trưởng nhờ diện tích bàn giao KCN tăng gấp đôi so với cùng kỳ và đã phục hồi đúng tiến độ của mảng VLXD, phù hợp với kỳ vọng
Dầu khí				
BSR		215%	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 +36% YoY, +36% QoQ nhưng có rủi ro điều chỉnh giảm dự báo LNST 2026
DCM (2)	55%	61%	MUA	
DPM		82%	PHTT	
GAS		10%	MUA	
OIL (2)		39%	KQ	
PLX (2)		19%	MUA	
PLC		834%	MUA	
PVD (2)		55%	MUA	
PVS (2)		7%	MUA	
PVT (2)		49%	MUA	

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của EPS quý 2 + quý 3 năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.744,66	39,98
VN 30	1.886,27	37,15
VN Mid	1.882,59	51,12
VNSmall	1.239,62	23,87

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	275,05	3,37
HNX30	459,36	10,22
VNX Allshare	2.793,76	58,68

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	126,50	0,35

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	3.610,1	17,8%
Khối ngoại mua	2.878,8	14,2%
Khối ngoại bán	2.200,1	10,8%
Tổng giao dịch	20.309,8	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	28,4	3,1%
Khối ngoại mua	16,6	1,8%
Khối ngoại bán	30,2	3,3%
Tổng giao dịch	905,6	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	70,6	19,4%
Khối ngoại mua	8,4	2,3%
Khối ngoại bán	4,5	1,2%
Tổng giao dịch	364,0	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
FRT	7.600	7,0%
DC4	430	7,0%
DHC	2.150	7,0%
DLG	150	7,0%
VIX	850	7,0%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
KSV	9.200	10,0%
MST	900	9,5%
L14	900	5,2%
IPA	700	4,9%
PLC	900	4,9%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VIW	1.196	5,2%
SBS	219	5,0%
AIG	1.965	4,0%
FOX	2.396	3,9%
PPH	918	3,8%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
CSM	-300	-2,0%
BWE	-800	-1,8%
HHP	-250	-1,6%
VJC	-1.300	-1,0%
PNJ	-250	-0,8%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PSI	-200	-2,0%
C69	-300	-1,7%
L40	-300	-1,3%
NTP	-200	-0,4%
VTZ	0	0,0%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
DHB	-732	-5,0%
TIN	-3.642	-3,2%
APF	-502	-1,1%
SCL	-157	-0,7%
HNG	-41	-0,6%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1,5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
VIC	1.059,3
VIX	1.058,3
SHB	985,1
VHM	972,2
SSI	772,1

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHS	199,3
MBS	138,9
CEO	97,0
HUT	76,1
PVS	67,7

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
ABB	67,1
MSR	41,5
TOS	29,7
VGI	20,9
HNG	16,0

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
HAH	17.471.205	885.688
OCB	21.978.890	3.723.867
FUESSVFL	652.591	110.839
APH	538.395	132.152
TCO	1.109.750	284.098
VPG	878.197	272.281
HTN	283.736	90.566
EIB	25.610.286	8.223.956
HVH	474.603	161.614
DGW	1.760.628	673.260

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
CAR	400.001	78.836
VHE	446.307	90.822
NTP	297.506	72.158
DXP	481.419	141.755
MST	5.924.837	2.175.618
API	252.580	109.396
PSI	916.516	517.265
CEO	8.380.858	5.281.501
VC7	115.300	75.682
DTD	189.792	126.933

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
VHG	999.614	252.399
PHP	315.719	118.685
DHB	204.570	82.409
PAS	130.510	56.311
PIV	200.346	94.192
AAV	837.167	427.136
SBS	1.495.064	922.245
ABW	720.551	524.123
ABB	3.862.852	2.916.043
DSH	90.800	71.674

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.514		14,8	2,0	11,4%
TCX	4.281	90,7%	18,2	2,5	13,7%
VCK	2.882	96,3%	16,3	2,4	17,2%
SSI	2.281	70,1%	11,2	1,5	0,0%
VPX	1.810	95,8%	8,8	1,3	16,2%
HCM	1.318	14,8%	19,4	2,4	9,8%

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	561		11,4	1,4	10,4%
BVH	1.724	21,7%	15,4	1,8	0,0%
PVI	632	43,1%	12,6	1,8	15,2%
BIC	164	7,6%	10,0	1,3	13,1%
VNR	151	22,8%	8,6	1,0	11,3%
MIG	135	83,0%	10,6	1,3	12,4%

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.469		14,2	3,1	13,0%
ACV	5.332	47,3%	13,1	1,9	0,0%
MVN	2.428	0,0%	27,2	4,3	0,0%
VEA	1.719	47,6%	5,9	1,6	0,0%
GEE	1.628	49,0%	12,0	5,3	45,6%
GMD	1.238	8,6%	12,6	2,4	19,4%

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.715		17,7	4,2	17,8%
MCH	7.100	84,5%	26,3	10,0	40,1%
VNM	4.861	50,7%	12,5	3,9	0,0%
MSN	3.768	76,0%	14,6	2,5	19,4%
SAB	2.115	41,3%	11,7	2,8	22,3%
SBT	734	80,4%	23,3	1,7	7,3%

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.678		14,4	1,4	2,8%
BSR	4.890	47,9%	9,8	1,9	0,0%
PLX	1.634	6,0%	24,2	1,7	0,0%
PVS	676	33,4%	8,5	1,2	13,9%
PVD	666	41,5%	14,8	1,0	0,0%
OIL	522	6,4%	14,9	1,2	0,0%

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.080		10,7	1,7	6,8%
GAS	6.299	47,0%	14,3	2,4	0,0%
POW	1.597	45,3%	12,2	1,1	0,0%
REE	1.072	0,0%	10,7	1,3	12,6%
PGV	956	50,0%	5,8	1,4	0,0%
DNH	474	0,0%	10,6	2,3	21,3%

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	18.912		124,4	5,8	25,0%
VIC	64.894	44,9%	146,1	11,5	0,0%
VHM	23.085	42,5%	7,6	2,3	32,7%
KSF	2.674	50,0%	4,6	3,3	77,4%
VRE	2.098	37,7%	7,6	1,1	15,0%
THD	1.810	48,9%	456,2	10,7	0,0%

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	10.532		8,4	1,4	6,7%
VCB	17.940	9,9%	13,1	2,0	0,0%
BID	10.305	12,5%	8,5	1,5	0,0%
CTG	8.987	5,5%	6,2	1,3	0,0%
TCB	7.890	1,4%	7,7	1,2	15,7%
VPB	7.537	6,6%	6,7	1,1	17,7%

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.266		25,5	4,1	14,6%
VPL	5.418	42,7%	47,9	3,2	7,7%
MWG	3.914	0,0%	10,5	2,9	29,2%
VJC	3.630	23,8%	43,9	3,6	8,6%
HVN	2.578	21,5%	7,2	6,6	0,0%
FRT	790	17,4%	18,3	4,3	27,5%

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.900		11,0	2,4	27,0%
HPG	6.994	27,5%	7,9	1,3	17,4%
GVR	4.188	12,4%	15,5	1,8	12,2%
MSR	1.529	99,9%	16,5	2,8	19,0%
KSV	1.159	0,0%	8,7	4,6	62,9%
DCM	629	42,6%	6,3	1,4	23,7%

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	245		36,7	2,9	12,0%
DHG	461	46,0%	12,6	3,6	24,1%
IMP	211	5,3%	15,4	2,4	15,6%
DHT	202	9,3%	132,6	4,8	3,7%
DBD	179	83,4%	16,3	2,7	16,6%
DVN	170	-0,0%	6,5	1,2	0,0%

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	958		-3,4	1,4	5,3%
FPT	4.365	22,0%	11,4	2,9	26,5%
CMG	213	13,6%	13,6	1,7	0,0%
SAM	90	48,5%	23,5	0,6	0,0%
ELC	62	46,6%	13,4	1,2	0,0%
SGT	57	-5,5%	-78,9	0,7	0,0%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

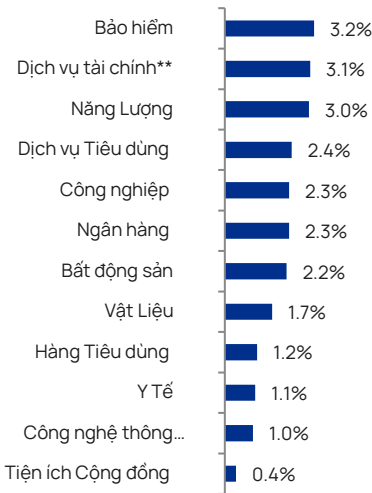
* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

** ngoại trừ ngân hàng

Diễn biến hằng ngày theo ngành

Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh (HSX)

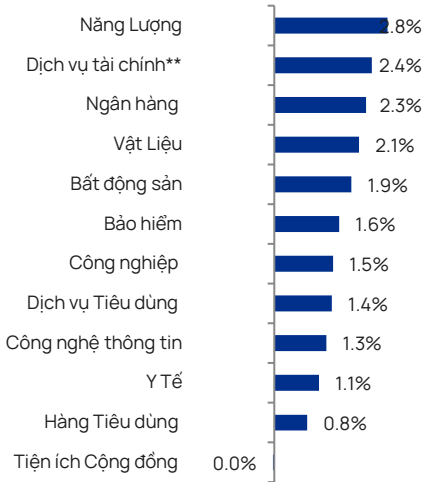


Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



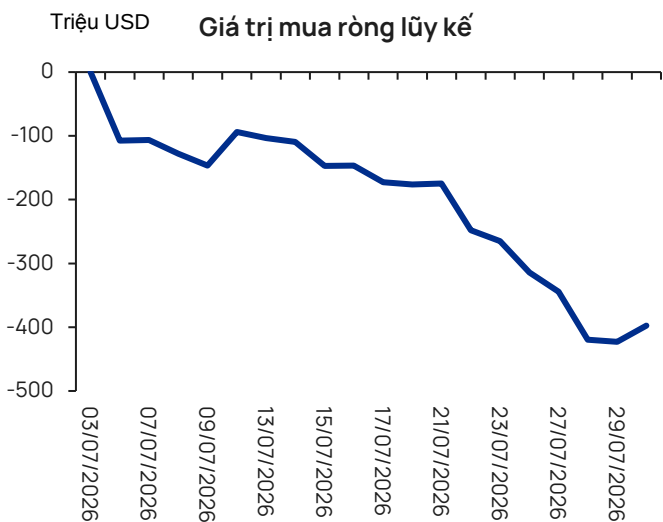
Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



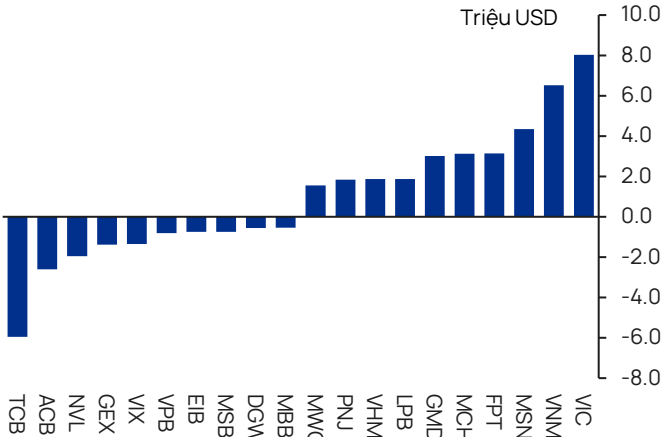
GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày

(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất

(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày



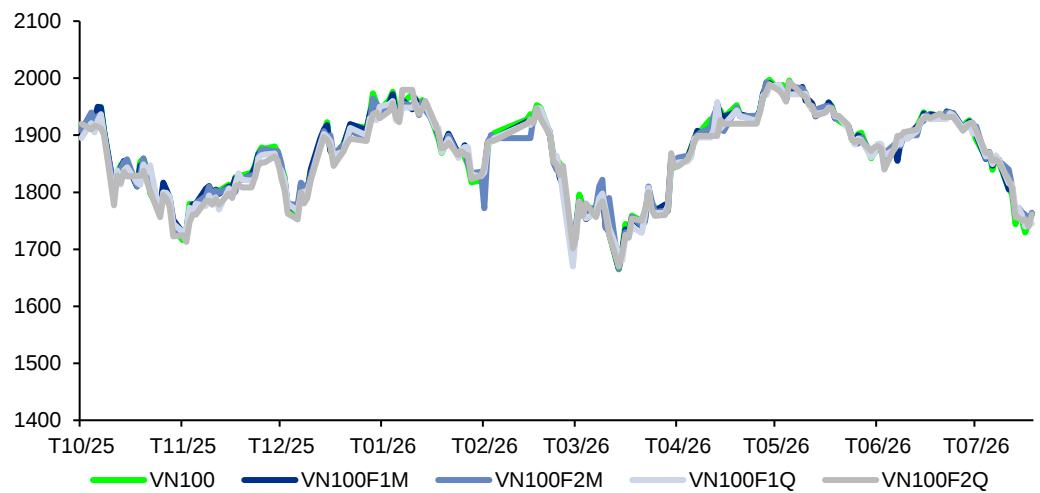
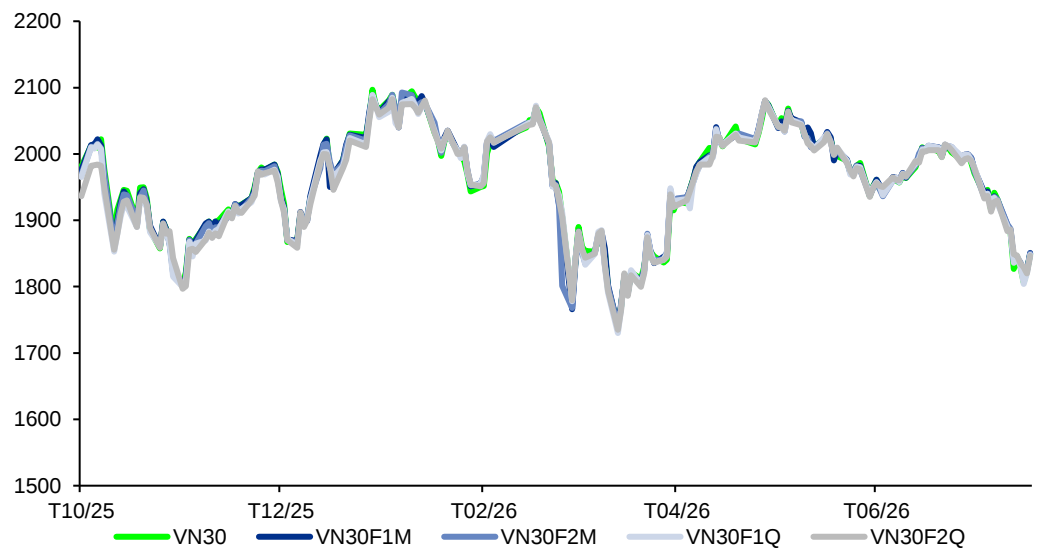
Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro

** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	1.884,8	33,8	1,8%	35,7
VN30F2M	1.885,0	35,0	1,9%	35,9
VN30F1Q	1.887,9	39,9	2,2%	38,8
VN30F2Q	1.879,9	33,4	1,8%	30,8
VN100F1M	1.806,4	43,8	2,5%	43,8
VN100F2M	1.803,9	39,8	2,3%	41,3
VN100F1Q	1.791,0	45,9	2,6%	28,4
VN100F2Q	1.788,9	27,6	1,6%	26,3

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	41.016	0,0%	229,75	0,0%
VN30F2M	1.448	0,0%	0,46	0,0%
VN30F1Q	809	0,0%	0,06	0,0%
VN30F2Q	90	0,0%	0,04	0,0%
VN100F1M	59	0,0%	0,02	0,0%
VN100F2M	15	0,0%	0,01	0,0%
VN100F1Q	23	0,0%	0,00	0,0%
VN100F2Q	9	0,0%	0,00	0,0%

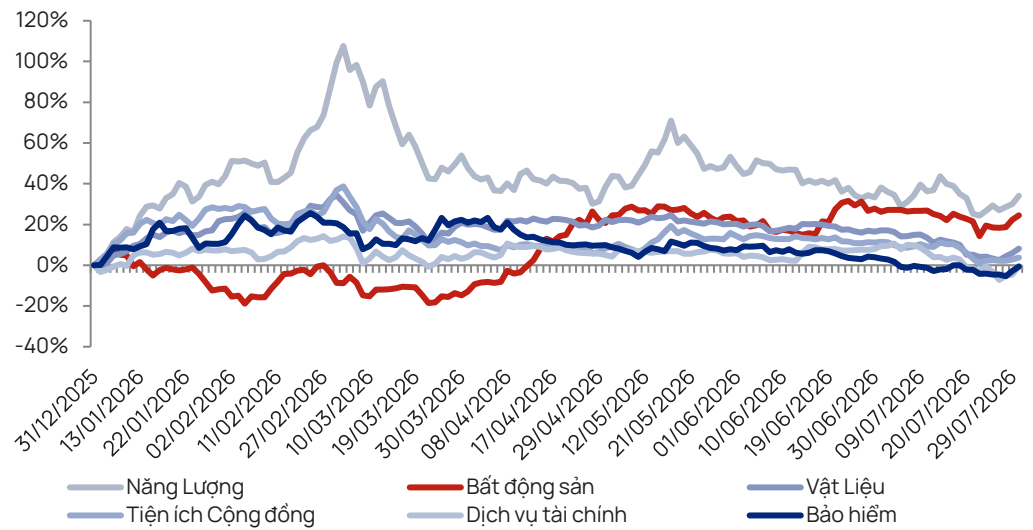


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

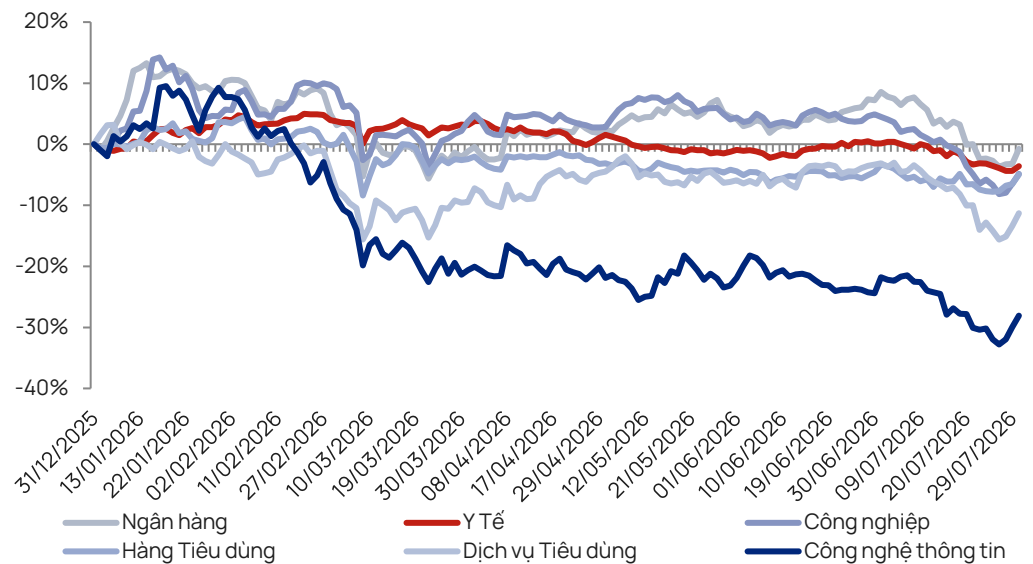
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



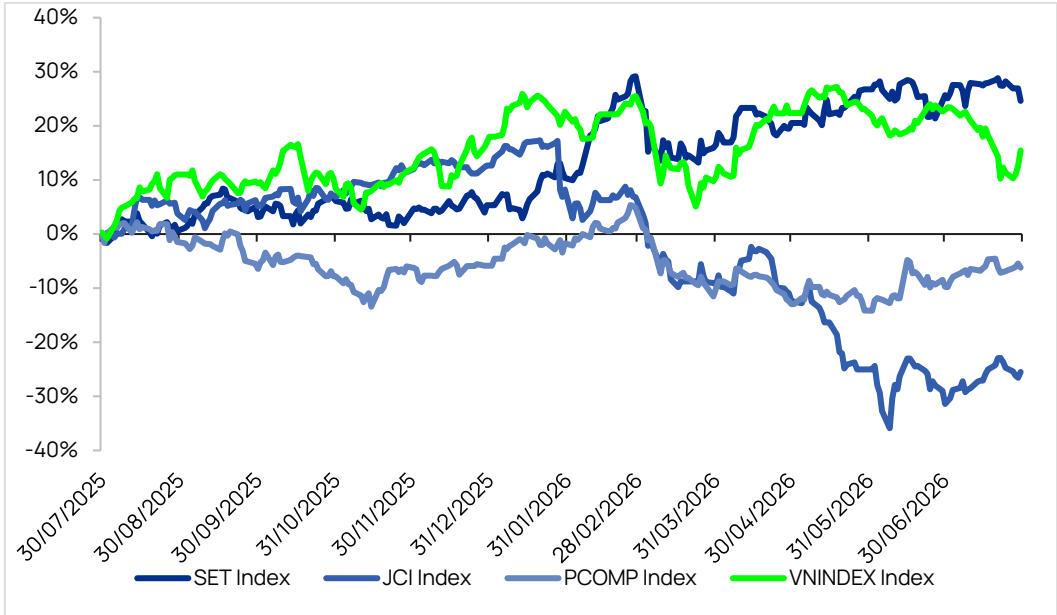
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



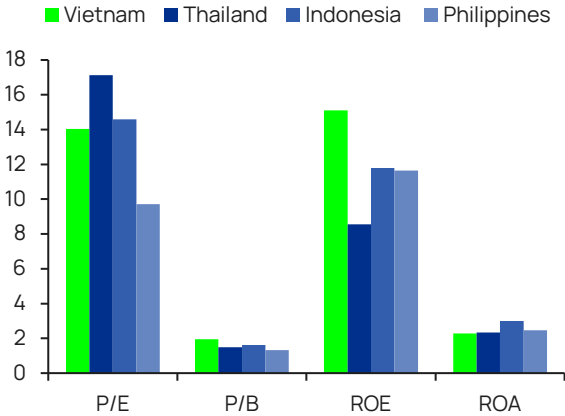
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	17,1	14,6	9,7	14,0
P/B	1,5	1,6	1,3	1,9
ROE (%)	8,6	11,8	11,6	15,1
ROA (%)	2,3	3,0	2,5	2,3
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	610,4	585,4	146,5	301,6
GTGD trung bình, tr USD	1.619,4	1.166,9	81,7	957,1
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	2.286,9	-4.160,4	-161,3	-3.397,8
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	49,6	316,4	19,1	(158,9)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,58%	7,33%	7,10%	4,22%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516
- Đinh Kiến Vương, Chuyên viên, ext 468

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Bùi Nguyễn Cẩm Giang
Trưởng phòng cao cấp, ext 125
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước
Đinh Thị Thùy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên cao cấp, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng
Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le
Giám đốc
Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức
+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.